

QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI TỈNH ĐỒNG THÁP

NCS.Ứng Lê Anh Đạt

Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Luật,
Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin bài báo

Nhận bài: Tháng 10/2024
Chấp nhận: Tháng 12/2024
Xuất bản online: 12/2024

TÓM TẮT

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước là một nguồn lực tài chính quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của cả nước cũng như từng địa phương. Nguồn vốn này đóng vai trò chủ yếu trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng của địa phương nên việc thực hiện chính sách quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước được đặc biệt chú trọng. Hàng năm, ngân sách nhà nước dành một tỷ lệ lớn chi cho đầu tư XDCB và tăng dần qua các năm (theo quy định mỗi địa phương phải tăng tối thiểu 10% vốn XDCB tập trung). Tuy nhiên, việc quản lý nguồn vốn đầu tư XDCB từ ngân sách nhà nước có xảy ra thất thoát, lãng phí. Tình trạng này do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân hạn chế ở vấn đề thực hiện chính sách quản lý vốn đầu tư xây

State budget capital for basic construction investment is an important financial resource for socio-economic development, ensuring national defense and security of the whole country as well as each locality. This capital source plays a major role in investing in local infrastructure construction, so the implementation of the policy on managing basic construction investment capital from the state budget is given special attention. Every year, the state budget allocates a large proportion of expenditure for basic construction investment and increases gradually over the years (according to regulations, each locality must increase at least 10% of concentrated basic construction investment capital). However, the management of basic construction investment capital from the state budget has resulted in loss and waste. This situation is due to many reasons, including limitations in the implementation of the policy on managing basic construction investment capital.

Keywords: Basic construction investment; basic construction investment capital; Dong Thap province

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tỉnh Đồng Tháp có vị trí nằm trên các trục giao thông thủy bộ quan trọng của vùng ĐBSCL và cả nước như sông Tiền, sông Hậu; QL 30 dọc sông Tiền nối liền QL1A hướng lên phía Bắc đi cửa khẩu Dinh Bà (huyện Tân Hồng) và nối tuyến tỉnh lộ ĐT.841 đến cửa khẩu Thường Phước (huyện Hồng Ngự). Đây được xem là các tuyến lưu thông huyết mạch của tỉnh kết nối với khung xuyên Á, vùng thủ đô Phnômpenh và các nước tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS); ngoài ra còn có các QL 80A, QL 80B, QL 54, đường Hồ Chí Minh (QL N2) đi qua. Vì vậy, Đồng Tháp có điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế, văn hoá, xã hội với các địa phương trong và ngoài tỉnh, đồng thời có thể tham gia các luồng thương mại quốc gia, quốc tế. Tuy nhiên, việc quản lý nguồn vốn đầu tư XDCB từ ngân sách nhà nước có xảy ra thất thoát, lãng phí. Tình trạng này do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân hạn chế ở vấn đề thực hiện chính sách quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Điều này đã được Kiểm toán nhà nước chỉ ra tại Báo cáo kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước năm 2016 đó là: "Công tác phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án chưa căn cứ theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 hoặc chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chưa xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; còn tình trạng phê duyệt dự án đầu tư khi chủ trương đầu tư chưa được phê duyệt, chưa

* Tác giả liên hệ:

Email: lapvoquetoi@gmail.com

đủ thủ tục, không phù hợp với quy hoạch vùng, không thuộc giai đoạn 2016 - 2020 hoặc trùng lặp với dự án khác đã được phê duyệt, có trường hợp phê duyệt vượt định mức; quyết định đầu tư chưa xác định rõ nguồn vốn, thời gian thực hiện dự án; xác định tổng mức đầu tư còn sai sót, thiếu chính xác, phải điều chỉnh nhiều lần với giá trị lớn; hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) của một số dự án chưa đầy đủ theo quy định; phê duyệt hồ sơ mời thầu, kế hoạch đấu thầu chưa đúng quy định; hồ sơ dự thầu (hồ sơ đề xuất) của một số nhà thầu chưa tuân thủ đầy đủ yêu cầu của hồ sơ mời thầu; quá trình chấm thầu vẫn còn sai sót; áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không đúng quy định; công tác thương thảo, ký kết hợp đồng chưa bảo đảm theo quy định, một số điều khoản hợp đồng ký kết còn thiếu chặt chẽ gây thất thoát NSNN; tiến độ thực hiện tại một số dự án còn chậm so với kế hoạch ban đầu hoặc chậm được đưa vào sử dụng làm giảm hiệu quả nguồn vốn đầu tư". Ngoài ra, theo Báo cáo Đánh giá chỉ tiêu công Việt Nam (2017) do Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Việt Nam khảo sát, đánh giá thì: "Đầu tư công vẫn tồn tại những thách thức quan trọng cần phải giải quyết, bao gồm tình trạng dàn trải quá mức, hiệu suất còn hạn chế trong hoạt động và phân bổ, yếu kém trong giám sát. Bên cạnh đó hệ thống văn bản quy phạm pháp luật còn chồng chéo và chông chéo, kể cả trong các luật mới được ban hành và sửa đổi như Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và Luật Xây dựng".

Đồng Tháp nằm trong vùng kinh tế đồng bằng sông Cửu Long, là tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách (còn phụ thuộc vào ngân sách Trung ương). Tuy nhiên, tỉnh Đồng Tháp có nhiều điều kiện thuận lợi về tự nhiên để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản do Tỉnh quản lý tăng dần qua các năm, giai đoạn 2011-2015 là 16.373 tỷ đồng, chiếm 31,8% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2016 - 2020 là 20.214 tỷ đồng, tăng 19% so với giai đoạn 2011-2015. Đây là nguồn vốn có ý nghĩa quan trọng trong đầu tư kết cấu hạ tầng, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội của địa phương, cần phải được sử dụng hiệu quả. Tuy nhiên, theo kết luận của Kiểm toán nhà nước hàng năm và Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì trong giai đoạn vừa qua việc thực hiện chính sách quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước của tỉnh Đồng Tháp vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế dẫn đến tình trạng đầu tư còn dàn trải, chưa phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư, gây lãng phí, thất thoát nguồn vốn ngân sách nhà nước nên việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách quản lý

vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước của tỉnh Đồng Tháp là cần thiết để xác định những vấn đề còn tồn tại trong thực hiện chính sách và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước của tỉnh Đồng Tháp.

Nghiên cứu này sử dụng một loại các phương pháp cụ thể như phương pháp tiếp cận, chọn địa điểm nghiên cứu, thu thập số liệu thông tin thứ cấp và sơ cấp, xử lý số liệu và phân tích số liệu.

2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XDCB TỪ NGUỒN VỐN NSNN CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP

2.1. Quản lý quy hoạch và phân bổ vốn đầu tư

2.1.1. Quản lý quy hoạch đầu tư

Những năm vừa qua công tác quản lý quy hoạch tại tỉnh Đồng Tháp đã đạt được một số thành tựu cụ thể:

Hoàn thành các đề án quy hoạch phát triển vùng, ngành như: quy hoạch đồ án xây dựng Nông thôn mới, quy hoạch phát triển Thương mại, quy hoạch phát triển Khu Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Tỉnh... bước đầu đã mang lại hiệu quả cao góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Thực hiện quy hoạch di dời các khu dân cư khỏi vùng sạt lở ở hai bên bờ sông Tiền gắn với chỉnh trang đô thị; quy hoạch hệ thống thoát nước mặt, xử lý nước thải, mạng lưới thu gom rác thải trên địa bàn Tỉnh; tập trung triển khai thực hiện các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; hạ tầng các khu đô thị, khu dân cư phục vụ di dời, tái định cư góp phần cải thiện nhà ở, ổn định cuộc sống của một bộ phận nhân dân khi được tái định cư.

Đang triển khai xây dựng Chương trình đô thị tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Phát triển đô thị trên nguyên tắc tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, là hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Thành phố, Thị trấn thuộc các huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển đô thị phải chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và kiểm soát chất lượng môi trường đô thị, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, cải tạo và xây dựng đô thị xanh, đô thị sinh thái; tăng cường

khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu tại các đô thị. Đến năm 2020: Phấn đấu toàn Tỉnh có 23 đô thị, trong đó: 02 đô thị loại II (thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc), 01 đô thị loại III (thị xã Hồng Ngự), 05 đô thị loại IV (thị trấn Lấp Vò, thị trấn Mỹ An, thị trấn Mỹ Thọ, thị trấn Tràm Chim, thị trấn Thanh Bình) và 15 đô thị loại V. Quy mô diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 9.500ha, dân số đô thị khoảng 679.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 38%. Đến năm 2025: Phấn đấu toàn tỉnh có 27 đô thị, trong đó: 02 đô thị loại II (thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc), 01 đô thị loại III (thành phố Hồng Ngự), 08 đô thị loại IV (thị trấn Lấp Vò, thị trấn Mỹ An, thị trấn Mỹ Thọ, thị trấn Tràm Chim, thị trấn Thanh Bình, thị trấn Cái Tàu Hạ - Nha Môn, thị trấn Lai Vung, thị trấn Sa Rài) và 16 đô thị loại V. Quy mô diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 12.100ha, dân số đô thị khoảng 820.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 44%.

Bên cạnh những mặt được, công tác quản lý quy hoạch dù được UBND Tỉnh, Sở, ban, ngành quan tâm. Tuy nhiên các giải pháp thực hiện quy hoạch còn thiếu tính sáng tạo, manh mún, chưa kết nối được các khu vực với nhau, khó hình thành đô thị có quy hoạch tổng thể thống nhất và bộc lộ một số hạn chế như sau:

+ Công tác quản lý, đầu tư sau quy hoạch đối với các quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt trước đây trên địa bàn còn lúng túng, chưa chặt chẽ, cơ sở bản đồ nền lập quy hoạch chi tiết không thống nhất, chưa có sự nối kết tổng thể thành một hệ thống nhất chung, dẫn đến nhiều vướng mắc trong công tác quản lý như: công tác triển khai cắm mốc, khớp nối hạ tầng kỹ thuật, cốt nền theo quy hoạch ngoài thực địa giữa các khu quy hoạch, giữa khu quy hoạch và khu dân cư cũ.

+ Công tác nâng cấp, mở rộng chỉnh trang các tuyến đường Nội thị, liên Tỉnh, liên Huyện, chỉnh trang đô thị gặp nhiều khó khăn do đòi hỏi phải có nguồn vốn tập trung lớn, hiện trạng hệ thống đường Huyện, đường Tỉnh của Tỉnh nhỏ hẹp, nên việc mở rộng các tuyến đường theo lộ giới ảnh hưởng lớn đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư... Công tác vận động nhân dân tham gia xây dựng chỉnh trang vỉa hè, đường phố vẫn hạn chế do giá trị giải phóng mặt bằng lớn của người dân khi hiến đất mở rộng lộ giới xây dựng vỉa hè.

+ Việc lập Quy hoạch hệ thống giao thông trên địa bàn còn hạn chế về kinh phí, kinh nghiệm. Cần có quy hoạch chi tiết để thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn toàn Tỉnh cho thống nhất, đồng bộ.

+ Hạ tầng kỹ thuật của Tỉnh được đầu tư đã lâu chưa được nâng cấp mở rộng, qua nhiều thời kỳ nên còn thiếu và yếu, chưa đồng bộ (các tuyến đường Tỉnh, đường Huyện, các cầu trên các tuyến đường này hiện nay đã quá tải dưới áp lực tăng số lượng xe lưu thông và người tham gia giao thông). Không đáp ứng được nhu cầu lưu thông của các phương tiện giao thông trên địa bàn Tỉnh ngày một tăng cao, trong khi việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông có giới hạn chưa theo kịp ứng nhu cầu ngày một tăng cao. Hệ thống đường, cầu cống Tỉnh quản lý được duy tu, sửa chữa nhỏ, sửa chữa lớn hàng năm cũng hạn chế phần nào tình trạng xuống cấp, hư hỏng, tạo điều kiện thuận lợi cho người và phương tiện tham gia giao thông thuận lợi, an toàn. Tuy nhiên, do thiếu kinh phí, nên tình trạng hư hỏng xuống cấp của hệ thống cầu, đường ngày càng nhiều, tiềm ẩn nguy hiểm đến việc lưu thông trên tuyến đường và qua các cầu, cũng như trong công tác phòng chống, tránh lụt bão tại địa phương khó đảm bảo.

+ Các dự án hạ tầng giao thông mới trên địa bàn đã được triển khai nhưng chưa hoàn chỉnh, thiếu sự phối hợp giữa các Chủ đầu tư dự án với chính quyền, địa phương, các đơn vị liên quan nên chưa thực hiện tốt việc khớp nối hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thoát nước, chênh lệch cốt san nền so với cốt khu dân cư hiện trạng, công trình cũ như khu vực đô thị 500 căn, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh; cầu Ngõ Thời Nhậm, phường 1, thành phố Cao Lãnh; khu vực đô thị Nha Môn, huyện Châu Thành... là nguyên nhân của tình trạng ngập úng, mất vệ sinh môi trường đô thị kéo dài qua nhiều năm vẫn chưa được giải quyết do nguồn vốn đầu tư chỉnh trang hạ tầng đô thị của Tỉnh không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu thực tế, mặc khác sự phối hợp để giải quyết nội dung này giữa các Sở, ban ngành của Tỉnh với đơn vị chủ đầu tư chưa đồng bộ.

+ Một số dự án đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn từ năm 2010-2015 của Tỉnh đã được phê duyệt nhưng chưa được bố trí được nguồn vốn do bị cắt giảm theo Nghị quyết 11 của Chính phủ nên nhiều dự án bị tạm dừng, kéo dài thời gian thi công sang giai đoạn 2016 - 2020 hoặc đã triển khai nhưng thời gian triển khai dự án thường vào mùa mưa bão, làm chậm tiến độ thực hiện dự án và để ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng.

+ Công tác quản lý, khai thác và phát triển các kết cấu hạ tầng như hệ thống giao thông, điện lực, cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị gặp nhiều khó khăn do sự phân cấp quản lý cho nhiều đơn vị và chưa có sự phối hợp, phân công quản lý giữa các ngành, các cấp Tỉnh, huyện còn chông chéo, trùng lặp hoặc bị bỏ sót ảnh hưởng đến việc đầu tư phát triển đồng bộ trên địa bàn.

+ Lực lượng cán bộ làm công tác quy hoạch còn hạn chế về chuyên môn, thiếu sự liên kết trong lĩnh vực nghiên cứu quy hoạch và thiết kế.

2.1.2. Quản lý phân bổ vốn

Bảng 1.1. Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2016 - 2020
(Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ; Vốn xổ số kiến thiết)

ĐVT: Tỷ đồng.

STT	Tiêu chí	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	So sánh (%)			
							2017 /2016	2018 /2017	2019 /2018	2020 /2019
TỔNG CỘNG:		1.205,0	1.757,5	1.829,3	1.939,7	2.086,2	145,8	104,1	106,0	107,6
A	Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ	505,0	557,5	559,61	559,65	626,24	110,4	100,4	100,01	111,9
1	Thanh toán khối lượng các công trình chuyển tiếp	153,9	34,995	210,86	441,84	330,25	22,74	6,025	2,095	0,747
	+ Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm	85,2	9,295	35,3	319,64	330,25	10,91	379,8	905,5	103,3
	+ Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm	68,7	25,7	175,56	122,2		37,41	683,1	69,60	
2	Thực hiện các công trình mới	321,1	497,49	178,75	104,7	210,45	141,7	35,93	58,57	201
3	Thanh toán các công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán			10	13,111	12,914				
4	Vốn chuẩn bị đầu tư và thực hiện một số công việc cần thiết khác (Đền bù, GPMB,...)	30	25	160		72,624				
B	Vốn xổ số kiến thiết	700,0	1.200	1.270	1.380,0	1.460,0	171,4	105,8	108,6	105,8
1	Thanh toán khối lượng các công trình chuyển tiếp	413,8	434,74	739,56	1.072,2	1.050,1	105,1	170,1	144,9	97,95
	+ Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm	145,8	305,64	214,3	319,41	547,74	209,6	70,11	149,05	171,5
	+ Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm	268	129,1	525,26	752,75	502,4	48,17	406,9	143,3	66,74
2	Thực hiện các công trình mới	286,2	765,27	403,1	298,84	250,9	267,4	52,67	74,13	83,96
3	Thanh toán các công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán			5	9,002	5,962				
4	Vốn chuẩn bị đầu tư và thực hiện một số công việc cần thiết khác (Đền bù, GPMB,...)			127		153				

Nguồn: Nghị quyết: 35/2016/NQ-HĐND, 22/3/2016; 148/2017/NQ-HĐND, 07/12/2017; 204/2018/NQ-HĐND, 06/12/2018; 275/2019/NQ-HĐND, 08/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nguồn vốn đầu tư phát triển cho Tỉnh vẫn còn hạn chế, số vốn được giao hàng năm không đáp ứng được yêu cầu phát triển của Tỉnh. Nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí hiện tại đạt thấp và nguồn thu từ xổ số kiến thiết ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của Tỉnh.

Nguồn vốn phân bổ cho 4 tiêu chí: dự án xây dựng mới; dự án chuyển tiếp có khả năng hoàn thành trong năm (dự án tiến hành thi công kéo dài qua nhiều năm); dự án mới bổ sung phục vụ phát triển KT-XH; thanh toán các công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán; chuẩn bị đầu tư và thực hiện một số công việc cần thiết khác (Đền bù, GPMB,...), các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách tập trung, nguồn xổ số kiến thiết khi quyết toán công trình hoàn thành đã tất toán tài khoản qua Kho bạc nhà nước, không còn tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Căn cứ vào bảng 1.1 về kế hoạch phân bổ vốn, vốn đầu tư giai đoạn từ năm 2016-2020 (Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ; vốn xổ số kiến thiết) chủ yếu tập trung chủ yếu xây dựng dự án xây dựng mới, các dự án chuyển tiếp và dự án mới bổ sung phục vụ phát triển KT-XH. Kinh phí bố trí cho các dự án đầu tư xây dựng luôn biến động, so sánh năm 2016 với năm 2020, mức vốn đầu tư xây dựng mới năm 2016 là 1.205 tỷ đồng, năm 2017 là 1.757,5 tỷ đồng (tăng 1,45 lần so với năm 2016), năm 2018 là 1.829,3 tỷ đồng (tăng 1,04 lần so với năm 2017), năm 2019 là 1.939,7 tỷ (tăng 1,06 lần so với năm 2018), năm 2020 là 2.086,2 tỷ đồng (tăng 1,07 lần so với năm 2019). Bình quân hàng năm vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ, vốn xổ số kiến thiết bố trí tăng thêm từ 10% - 12% trên một năm.

Bảng 1.2 Số dự án, công trình đã được bố trí vốn giai đoạn 2016 - 2020
(Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ; vốn xổ số kiến thiết)

DVT: Dự án.

STT	Tiêu chí	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	So sánh (%)			
							2017 /2016	2018 /2017	2019 /2018	2020 /2019
	TỔNG CỘNG:	136	95	76	114	67	-30	-20	150	-41
A	Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ	46	30	33	46	30	65,22	110,0	139	65,2
1	Dự án nhóm A									
2	Dự án nhóm B	12	8	11	20	13				
3	Dự án nhóm C	11	22	8	10	9				
4	Công trình lập BCKTKT	23		14	16	8				
B	Vốn xổ số kiến thiết	90	65	43	68	37	72,22	66,15	158	54,4
1	Dự án nhóm A	1	1	1	1					
2	Dự án nhóm B	14	18	13	35	16				
3	Dự án nhóm C	13	10	14	32	15				
4	Công trình lập BCKTKT	62	36	15		6				

Nguồn: Nghị quyết: 35/2016/NQ-HĐND, 22/3/2016; 148/2017/NQ-HĐND, 07/12/2017; 204/2018/NQ-HĐND, 06/12/2018; 275/2019/NQ-HĐND, 08/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ở bảng 1.2 có thể nhận thấy so với giá trị vốn bố trí trong năm thì số dự án được bố trí là tương đối ít. Số dự án được cấp kế hoạch vốn trong các năm cũng có biến động nhiều, năm 2016 là 136 dự án, năm 2017 là 95 dự án, năm 2018 là 76 dự án lại tăng đến 114 dự án năm 2019 và năm 2020 giảm xuống 67 dự án. Điều này cũng dễ hiểu bởi các dự án đầu tư ở Tỉnh chủ yếu là các dự án nhóm B, nhóm C và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, các dự án nhóm A chiếm tỷ lệ thấp.

Bảng 1.3 Tình hình đầu tư theo kế hoạch vốn phân bổ theo lĩnh vực đầu tư giai đoạn 2016 - 2020
(Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ; vốn xã số kiến thiết)

ĐVT: Dự án.

STT	Tiêu chí	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	So sánh (%)			
							2017 /2016	2018 /2017	2019 /2018	2020 /2019
	TỔNG CỘNG:	136	94	71	95	72	69,12	75,53	134	75,8
A	Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ	46	29	28	35	27	63,04	96,55	125	77,1
1	Giáo dục và Đào tạo	10	5	5	3	2				
2	Khoa học công nghệ, điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường	7	1	2	2	4				
3	Hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế	2	3	3	4	3				
4	An ninh - Quốc phòng	9	6	8	10	6				
5	Quản lý nhà nước, Đảng Đoàn thể, Hiệp hội	10	5	7	8	6				
6	Văn hóa xã hội	4	6	1	6	3				
7	Nông nghiệp và PTNT	4	3	2	2	3				
8	Giao thông		1	6	9	7				
B	Vốn xã số kiến thiết	90	65	43	60	45	72,22	66,15	140	75
1	Giao thông	12	11	14	25	20				
2	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	5	5	7	5				
3	Giáo dục và Đào tạo	64	34	7	8	5				
4	Y tế	5	6	5	6	6				
5	Văn hóa xã hội	2	5	2	4	8				
6	Hạ tầng đô thị, công nghiệp, TMDL	5	4	10	10	1				

Nguồn: Nghị quyết: 35/2016/NQ-HĐND, 22/3/2016; 148/2017/NQ-HĐND, 07/12/2017; 204/2018/NQ-HĐND, 06/12/2018; 275/2019/NQ-HĐND, 08/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Giai đoạn 2016 - 2020, kế hoạch vốn tập trung phần nhiều cho công tác xây dựng hạ tầng kỹ thuật, như năm 2016, năm 2017 có 19/136, 19/94 dự án, sang năm 2018 có 33/71 dự án, qua năm 2019 là 48/95 dự án được bố trí vốn; công tác giáo dục và đào tạo, như năm 2016, năm 2017 có 74/136, 39/94 dự án, sang năm 2018 có 12/71 dự án, năm 2019 là 13/95 dự án được bố trí vốn. Điều này cũng dễ hiểu bởi thời gian này trên địa bàn Tỉnh đang ưu tiên đẩy mạnh đầu tư cho cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Các công trình phục vụ cho giáo dục, y tế, văn hóa chính trang đô thị... cũng được đẩy mạnh, tỷ lệ dự án giáo dục, y tế, văn hóa chính trang đô thị được bố trí vốn luôn chiếm tỷ lệ lớn chỉ sau dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

2.2. Quản lý thẩm định dự án đầu tư

Trên góc độ kỹ thuật, thẩm định dự án đầu tư là hoạt động kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ thiết kế dự án quy định của các văn bản hướng dẫn của nhà nước từ đó ra quyết định thỏa mãn các yêu cầu thực tế. Thẩm định dự án là một bước trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt dự án. Thẩm định dự án bao gồm 2 loại: thẩm định dự án phê duyệt mới và thẩm định điều chỉnh dự án đã được phê duyệt (Là những dự án phải tiến hành điều chỉnh do vượt tổng mức đầu tư hoặc thay đổi thiết kế, quy mô, mục đích sử dụng).

Bảng 1.4 Tình hình phê duyệt dự án giai đoạn 2016 - 2020

ĐVT: Dự án.

STT	Tiêu chí	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	So sánh (%)			
							2017 /2016	2018 /2017	2019 /2018	2020 /2019
	Số dự án được thẩm định, phê duyệt	78	64	67	75	67	82,05	104,69	111,94	89,33
1	Dự án nhóm A	2								
2	Dự án nhóm B	16	13	8	3	6	0,81	0,62	0,38	2
3	Dự án nhóm C	14	6	4	4		0,43	0,67	1	
4	Công trình lập BCKTKT	46	45	55	68	61	0,98	1,22	1,24	0,90

Nguồn: Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp

Ở bảng 1.4, có thể nhận thấy đa phần các dự án được phê duyệt là các dự án dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C và công trình lập báo cáo kinh tế kỹ thuật. Với tổng số dự án được phê duyệt là 351 dự án đều phân bổ cho các ngành, địa phương.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 công tác đầu tư XDCB được triển khai một cách quy mô, đồng bộ, mục đích tập trung cho phát triển KT-XH, theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới nhằm mục đích an sinh xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng... Nhìn chung các dự án triển khai tốt. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư đã thực hiện tốt. Các chủ đầu tư cũng đã lựa chọn các đơn vị tư vấn có kinh nghiệm để tiến hành lập dự án. Tuy nhiên một số chủ đầu tư chưa nắm vững về quy trình thủ tục đầu tư, mặt khác thời gian vừa qua có nhiều sự biến động về giá nguyên, nhiên vật liệu, về chế độ chính sách, tiền lương nên có một số dự án triển khai chậm, gặp nhiều vướng mắc trong công tác điều chỉnh bổ sung thiết kế bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư của dự án. Vì vậy, chỉ phê duyệt số lượng dự án là 351 dự án, công trình/số lượng dự án, công trình được bố trí kế hoạch vốn là 488 dự án, công trình.

Chất lượng các hồ sơ thiết kế chưa cao, chưa sát với thực tế, giữa hồ sơ thiết kế và thực tế có nhiều vấn đề bất cập phải điều chỉnh nhiều lần. Giá cả vật liệu xây dựng biến động có nhiều biến động, các chính sách về tiền lương, các quy định có nhiều thay đổi trong thời gian qua đã ảnh hưởng đến công tác thẩm tra, thẩm định các dự án. Các đơn vị tư vấn thiết kế chưa nắm vững về quy trình đầu tư nên không tư vấn được cho các chủ đầu tư, địa phương có dự án triển khai trên địa bàn chưa kịp thời trong việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

Theo bảng 1.4 có thể nhận thấy số lượng công trình phê duyệt dự án đầu tư so với số vốn đã bố trí cho công trình như sau: năm 2016 là 78/136 công trình; năm 2017 là 64/94 công trình; năm 2018 là 67/71 công trình; năm 2019 là 75/95 công trình; năm 2020 là 67/72 công trình.

2.3. Quản lý đấu thầu

Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thường áp dụng 4 hình thức lựa chọn nhà thầu chính, đó là: chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và đấu thầu rộng rãi (luôn chiếm tỷ lệ lớn). Với các gói thầu tư vấn như tư thiết kế, giám sát, tư vấn lập HSMT... đều áp dụng hình thức chỉ định thầu. Riêng đối với chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng chuyên ngành Tỉnh là đơn vị có năng lực nên có khả năng vừa đóng vai trò là chủ đầu tư, vừa là đơn vị quản lý dự án và giám sát. Các dự án xây lắp trên địa bàn Tỉnh đa phần là các dự án quy mô lớn hơn 15 tỷ đồng nên hình thức lựa chọn nhà thầu ở đây chủ yếu là hình thức đấu thầu rộng rãi. Tuy nhiên, các gói thầu tư vấn, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa giá trị thấp hơn 1 tỷ đồng chiếm tỷ lệ khá cao chiếm hơn 81,1% trong tất cả các gói thầu. Hình thức đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh chiếm tỷ lệ 18,4% trong tất cả gói thầu trên địa bàn Tỉnh.

Bảng 1.5 Tình hình quản lý đấu thầu giai đoạn 2016-2020

TT	Hình thức gói thầu	Tổng số gói thầu	Cơ cấu (%)	Tổng giá gói thầu (tỷ đồng)	Tổng giá trúng thầu (triệu đồng)	Chênh lệch (tỷ đồng)	Tỷ lệ giảm (%)
1	Đấu thầu rộng rãi	1.463	10,6	11.379,833	10.727,304	652,528	5,73
2	Chào hàng cạnh tranh	1.083	7,8	1.484,969	1.359,212	125,757	8,47
3	Chỉ định thầu	11.145	81,1	2.245,655	2.152,481	93,173	4,15
4	Tự thực hiện	39	0,28	37,366	33,671	3,694	9,89
5	Tổng số:	13.730		15.147,82	14.272,67	875,154	

Nguồn: Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp

Tổng cộng qua 5 năm, công tác thẩm định kết quả đấu thầu đã tiết kiệm cho nhà nước một khoản 875,154 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 7,06%.

Cụ thể tình hình quản lý đấu thầu theo các năm, nhìn vào bảng 1.6 về tình hình quản lý đấu thầu, Trong năm 2016 trên địa bàn Tỉnh có tổng cộng 3.161 gói thầu được phê duyệt, trong đó gói thầu thực hiện đấu thầu rộng rãi có 310 công trình chiếm 3,7%; 201 gói thầu chào hàng cạnh tranh hiếm 4,93%; có 2.619 gói thầu chỉ định thầu (chiếm 88,89%) và 31 gói thầu theo hình thức tự thực hiện chiếm 2,47%.

Trong năm 2017 trên địa bàn huyện có tổng cộng 3.505 gói thầu được phê duyệt, trong đó 388 gói thầu thực hiện đấu thầu rộng rãi chiếm 1,80%; 306 gói thầu chào hàng cạnh tranh chiếm 5,4%; có 2.806 gói thầu chỉ định thầu chiếm 90,99% và 5 gói thầu theo hình thức tự thực hiện chiếm 1,80%.

Trong năm 2018 trên địa bàn huyện có tổng cộng 3.511 gói thầu được phê duyệt, trong đó 357 gói thầu thực hiện đấu thầu rộng rãi chiếm 1,71%; 306 gói thầu đấu thầu cạnh tranh chiếm 4,27%; có 2.839 gói thầu chỉ định thầu chiếm 93,16% và 1 gói thầu theo hình thức tự thực hiện chiếm 0,85%.

Một điểm mới trong năm 2016 đó là hình thức đấu thầu qua mạng được triển khai. Việc đăng tải thông tin trong đấu thầu được các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc, 100% thông tin có yêu cầu đã được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trên Báo đấu thầu và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Tuy nhiên, trên địa bàn Tỉnh việc thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng được thực hiện rất ít.

Bảng 1.6 Chi tiết về tình hình quản lý đấu thầu giai đoạn 2016-2020

Năm	Tổng số gói thầu	Tổng giá trị dự toán (tỷ đồng)	Tổng giá trị sau đấu thầu (tỷ đồng)	Tiết kiệm (tỷ đồng)	Hình thức đấu thầu							
					Đấu thầu rộng rãi		Chào hàng cạnh tranh		Chỉ định thầu		Tự thực hiện	
					Gói thầu	Cơ cấu (%)	Gói thầu	Cơ cấu (%)	Gói thầu	Cơ cấu (%)	Gói thầu	Cơ cấu (%)
2016	3.161	2.977,13	2.817,11	160,01	310	21,2	201	18,5	2.619	23,4	31	79,4
2017	3.505	3.997,24	3.736,25	260,99	388	26,5	306	28,2	2.806	25,17	5	12,8
2018	3.511	4.255,81	4.025,67	230,14	357	24,4	314	28,9	2.839	25,47	1	2,5
2019	3.553	3.917,63	3.693,63	224,006	408	27,8	262	24,19	2.881	25,85	2	5,12
2020	3.429	4.479,88	4.208,44	271,44	325	9,48	199	5,80	2.905	84,72		
Tổng	17.159	19.628	18.481	1.147	1.788		1.282		14.050		39	

Nguồn: Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp

Nhận xét chung về tình hình quản lý đấu thầu giai đoạn 2016 - 2020 :

Từ năm 2016 cho đến năm 2020, trên cơ sở thực hiện theo các quy định mới như: Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội, Luật Xây dựng số 50/2014/QH12 và Nghị định 59/2014/NĐ-CP, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/4/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, các Thông tư hướng dẫn và các mẫu tài liệu về đấu thầu, công tác đấu thầu trên địa bàn Tỉnh đã có những chuyển biến rõ rệt, ngày càng thể hiện tính chuyên nghiệp. Các gói thầu đủ điều kiện đều được đấu thầu rộng rãi qua mạng theo quy định, đảm bảo tính cạnh tranh, minh bạch, tạo sự công bằng cho doanh nghiệp, khuyến khích được các nhà thầu có kinh nghiệm, năng lực tham gia dự thầu. Điều này đã đóng góp một phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của nhà nước trên địa bàn Tỉnh, chống thất thoát, lãng phí.

UBND Tỉnh đã thực hiện phân cấp về đấu thầu theo quy định tại Luật sửa đổi một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản của Quốc hội khóa XII số 38/2009/QH12, Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản của Quốc hội khóa XIII số 50/2014/QH13 theo đúng quy định bằng Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 08/06/2018 Ban hành quy định phân công, phân cấp và ủy quyền quản lý đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền tổ chức quản lý dự án đầu tư và xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Việc phân cấp cho chủ đầu tư về phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu và quyết định xử lý tình huống đấu thầu đã tăng cường tính linh hoạt, rút gọn trình tự thủ tục, giảm được thời gian lựa chọn nhà thầu một cách đáng kể.

Công tác phổ biến, quán triệt nội dung của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản của Quốc hội khóa XIII số 50/2014/QH13, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, Nghị định số 84/2015/NĐ-CP và các Thông tư, văn bản dưới Luật hướng dẫn đã được phổ biến rộng rãi đến các đơn vị, chủ đầu tư, cơ quan tư vấn thông qua hình thức như tổ chức các lớp tập huấn về đấu thầu. Hầu hết các cán bộ tham gia trong lĩnh vực đấu thầu đều được cấp chứng chỉ tham gia các khoá đào tạo về đấu thầu, các lớp tập huấn về đấu thầu đã và đang thường xuyên được phối hợp đào tạo cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. UBND Tỉnh đã luôn đôn đốc các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả đấu thầu theo mẫu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư thực hiện đăng các thông tin đấu thầu trên trang web Đấu thầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định...

2.4. Quản lý công tác đền bù giải phóng mặt bằng

Công tác GPMB được coi là một trong những bước đầu tiên của một dự án đầu tư xây dựng, do đó đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và chính xác trong công tác đền bù GPMB là một yêu cầu cấp thiết và rất quan trọng. Các dự án sẽ không thể thực hiện nếu không có được mặt bằng. Không những đảm bảo đến tiến độ thành công của các dự án mà còn ảnh hưởng rất lớn đến các vấn đề an ninh chính trị xã hội. Do đó việc tiến hành GPMB đúng tiến độ còn giúp tiết kiệm chi phí, đẩy nhanh việc thi công, đưa vào khai thác sử dụng đúng kế hoạch nhằm đạt được hiệu quả tối đa của dự án tiết kiệm chi phí cho xã hội, cho nhà nước.

Từ bảng 1.7 ta thấy số dự án hoàn thành đền bù giải phóng mặt bằng không có nhiều biến động, năm 2016 có 17 dự án hoàn thành đền bù trong năm, sang năm 2017 là 19 dự án, năm 2018 là 21 dự án, năm 2020 là 23 dự án. Số dự án nhóm A hầu như không chủ yếu là dự án nhóm B, nhóm C và công trình lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Số dự án đền bù chậm tiến độ ít, chủ yếu tập trung vào các dự án nhóm B, nhóm C và công trình lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Điều này cũng dễ hiểu bởi đa phần các dự án xây dựng ở Tỉnh có quy mô vừa và nhỏ. Công việc giải phóng mặt bằng được Tỉnh đặt lên nhiệm vụ trọng tâm để tạo mặt bằng sạch cho các công trình, dự án triển khai thi công ngay sau khi hoàn thành thủ tục về đầu tư, đấu thầu. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn không như kế hoạch đã đề ra, vẫn còn 32 dự án/80 dự án chậm tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng, số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng chưa chi trả là 48,0 tỷ đồng.

Để thực hiện tốt công việc giải phóng mặt bằng trong thời gian qua cũng như những năm tiếp theo cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

+ Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Trong đó tập trung vào việc quản lý, thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; làm tốt công tác đăng ký, cập nhật kịp thời biến động đất đai, kiên quyết chấm dứt tình trạng sử dụng đất tự phát, chuyển đổi mục đích sử dụng đất không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

+ Tiếp tục rà soát sửa đổi, rà soát chỉnh sửa các quy định đã có (ban hành kèm theo Quyết định) cho chặt chẽ, bổ sung một số nội dung còn thiếu trên cơ sở đảm bảo các quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Trong đó phân cấp cho UBND các Thành phố, Huyện xác định giá đền bù, hỗ trợ chi tiết đối với một số loại nhà cửa, tài sản vật kiến trúc, cây cối hoa màu cho phù hợp với điều kiện của các địa phương; sửa đổi, bổ sung các phụ biểu quy định đơn giá đền bù nhà cửa, tài sản vật kiến trúc, cây cối hoa màu theo hướng sát với giá thực tế thị trường, đồng thời có quy định mở cho việc điều chỉnh khi giá cả thị trường biến động;

+ Phải chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, đủ quỹ đất với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tốt để chủ động tái định cư cho các đối tượng phải di dời nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất.

+ Nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân về công tác GPMB, tránh tình trạng lợi dụng việc GPMB để trục lợi cá nhân, gây khó khăn cho việc bồi thường, hỗ trợ, triển khai thi công các công trình.

+ Tăng cường sự phối hợp với Mặt trận tổ quốc và các cơ quan đoàn thể tham gia thực hiện. Đặc biệt, cán bộ công chức nhà nước cần làm tốt công tác dân vận, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng chính sách pháp luật của nhà nước, đặc biệt là pháp luật về đất đai đến các tầng lớp nhân dân, các đối tượng sử dụng đất. Đồng thời, quá trình giải quyết công tác giải phóng mặt bằng cần được thực hiện một cách chuyên nghiệp, có trách nhiệm với dân; thường xuyên đổi mới phương pháp vận động; đấu tranh với các đối tượng xấu xúi giục, kích động nhân dân; tập trung chỉ đạo giải quyết những vụ việc khiếu nại, khiếu kiện kéo dài.

Bảng 1.7 Tình hình đền bù, giải phóng mặt bằng

ĐVT: Tỷ đồng.

STT	Tiêu chí	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2020		Tổng 4 (bốn) năm
		SL	Cơ cấu(%)	SL	Cơ cấu(%)	SL	Cơ cấu(%)	SL	Cơ cấu(%)	
1	Số dự án hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng (dự án)	17	100	19	100	21	100	23	100	80
	- Công trình nhóm A					2	10			2
	- Công trình nhóm B	3	18	4	21	5	24	7	30	19
	- Công trình nhóm C	5	29	4	21	6	29	6	26	21
	- Công trình lập BCKTKT	9	53	11	58	8	38	10	43	38
2	Giá trị đền bù hoàn thành (tỷ đồng)	30	100	25	100	287	100	125	100	467
	- Công trình nhóm A					250	87			250
	- Công trình nhóm B	15	50	10	40	10	3	70	56	105
	- Công trình nhóm C	8	27	7	28	12	4	35	28	62
	- Công trình lập BCKTKT	9	53	11	58	8	38	10	43	38
	- Công trình lập BCKTKT	7	23	8	32	15	5	20	16	50
3	Số dự án đền bù chậm tiến độ (dự án)	7	41	9	47	5	24	11	48	32
	- Công trình nhóm A									
	- Công trình nhóm B	3	18	3	16	2	10	4	17	12
	- Công trình nhóm C	2	12	4	21	1	5	3	13	10
	- Công trình lập BCKTKT	2	12	2	11	2	10	4	17	10
	- Công trình lập BCKTKT	7	23	8	32	15	5	20	16	50
4	Số tiền đền bù chưa chi trả (tỷ đồng)	11	37	5	20	9	3	23	18	48
	- Công trình nhóm A									
	- Công trình nhóm B	6	20	2	8	5	2	10	8	23
	- Công trình nhóm C	2	7	1	4	2	1	8	6	13
	- Công trình lập BCKTKT	3	10	2	8	2	1	5	4	12

Nguồn: Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Đồng Tháp

Giai đoạn 2016 - 2020 ghi nhận những thành công trong việc hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm như: Giải phóng mặt bằng xây dựng Cụm công nghiệp Tân Lập – Huyện Châu Thành; Cụm công nghiệp Ba Sao – Huyện Cao Lãnh; Khu công nghiệp Tân Kiều – Huyện Tháp Mười; Dự án Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền, thành phố Cao Lãnh; Dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp (700 giường); Dự án Đường Nguyễn Sinh Sắc (đoạn từ ĐT 848 đến Cầu Cái Cỏ); Công trình Đường ĐT 852B giai đoạn 2, (đường vành đai Tây Bắc, TP Sa Đéc); Dự án Đường Hoàng Sa, thành phố Sa Đéc; Dự án Nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án thành phố Cao Lãnh (vốn WB); Đường Lý Thường Kiệt nối dài, thành phố Cao Lãnh; Đường Sở Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hòa, thành phố Cao Lãnh; Mở rộng đường vào Sở chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (đoạn từ Quốc lộ 30 đến cầu Bình Trị); Đường Lê Đại Hành, thành phố Cao Lãnh giai đoạn 2 (đoạn từ đường Trần Quang Diệu đến đường Phù Đổng); Đường Tân Việt Hòa (đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến điểm đầu nối với cầu Cao Lãnh), quy hoạch chi tiết cơ sở hạ tầng đấu giá quyền sử dụng đất ở các Thành phố, Huyện. Đây đều là các dự án trọng điểm, việc di dời được các hộ dân ghi nhận những nỗ lực của các ban ngành của Tỉnh, Thành phố, Huyện, đã tích cực trong công tác tham mưu, thực hiện nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình trên.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều khó khăn vướng mắc như: Việc chuẩn bị quỹ đất tái định cư phục vụ cho việc đền bù, giải phóng mặt bằng còn thiếu chưa kịp thời, chưa được triển khai đồng bộ dẫn đến việc giải phóng mặt bằng của các dự án chậm trễ, gây bức xúc cho nhân dân khu vực bị giải toả. Chính sách còn bất cập, giá cả bồi thường, giải phóng mặt bằng chưa phù hợp với thực tế, dẫn đến phát sinh khiếu kiện, khiếu

nại kéo dài như dự án: Khu dân cư phường 1, thành phố Cao Lãnh, khu đô thị Nha Môn, huyện Châu Thành,...

Công tác chỉnh trang đô thị đã được UBND tỉnh Đồng Tháp quan tâm, tuy nhiên do nguồn vốn còn thiếu nên việc triển khai chậm so với kế hoạch được duyệt. Một số dự án trọng điểm còn bị vướng mắc trong công tác đền bù, hỗ trợ GPMB do người dân chưa đồng tình ủng hộ (giá trị đền bù thấp, vị trí tái định cư có điều kiện không bằng nơi giải tỏa,...), còn xảy ra nhiều trường hợp khiếu nại, khiếu kiện,...dẫn đến tiến độ các dự án bị kéo dài. Mặt khác, cần có sự tham gia hỗ trợ, phối hợp tháo gỡ của các ban ngành cấp Tỉnh với Huyện về các thủ tục phê duyệt về giá nhà, đất, đất tái định cư, phương án bố trí tái định cư các dự án nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư trong công tác giải phóng mặt bằng.

Bảng 1.8 Đánh giá nguyên nhân chậm tiến độ trong giải phóng mặt bằng

Đơn vị tính: (%)

TT	Nguyên nhân	Mức ảnh hưởng				
		Rất ít	Ít	Trung bình	Nhiều	Rất nhiều
1	Vấn đề tái định cư chậm, chưa được quan tâm	6,7	5	13,3	60	15
2	Các bước triển khai chậm	36,7	33,3	8,3	8,3	13,3
3	Giá đất bồi thường thiệt hại chưa phù hợp	8,3	5	8,3	66,7	11,7
4	Phương án ổn định sinh kế không tốt dẫn đến người dân không di dời	41,7	28,3	18,3	5	6,7
5	Chậm giải ngân đền bù	50	13,3	6,7	16,7	13,3
6	Công tác cấp giấy chứng nhận đất còn bất cập, lộn xộn	18,3	20	5	23,3	33,3
7	Cơ quan giải phóng mặt bằng chưa tuân thủ pháp luật	46,7	21,7	11,7	11,7	8,3

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả

Theo kết quả điều tra thu thập số liệu thứ cấp, trong 60 phiếu điều tra thì có 7 nguyên nhân dẫn đến chậm tiến độ trong giải phóng mặt bằng, trong đó có 2 nguyên nhân chủ yếu, ảnh hưởng lớn tới tiến độ giải phóng mặt bằng đó là vấn đề tái định cư chậm chưa được quan tâm và giá đất bồi thường chưa sát với giá thực tế của thị trường.

2.5. Quản lý công tác giải ngân vốn

Nhìn vào bảng 1.9 nguồn vốn đầu tư XDCCB thực hiện, trong giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ vốn giải ngân của các dự án đầu tư XDCCB từ NSNN đến 31/12 hàng năm đạt trung bình 76,4%, số vốn chưa được giải ngân chưa được thanh toán hết trong thời gian chính lý quyết toán đến 31/01 năm sau. Do các dự án, công trình khi triển khai thi công vẫn còn vướng giải phóng mặt bằng, lựa chọn nhà thầu thi công yếu về nhân, vật lực, khi triển khai thi công làm trễ tiến độ thi công hoặc bỏ công trình không thi công nên tình hình giải ngân so với kế hoạch vốn của Tỉnh đã không như kế hoạch đã đề ra, vẫn còn tình trạng đọng vốn cho công trình. Tổng số vốn thực hiện giải ngân 14.902,93 tỷ đồng/19.686,51 tỷ đồng tỷ đồng kế hoạch (giải ngân vốn đạt 75,6% kế hoạch).

KBNN Tỉnh đã tiếp nhận kế hoạch vốn và hồ sơ kiểm soát thanh toán vốn đầu tư cho các công trình XDCCB từ vốn NSNN không ngừng tăng lên. Trong giai đoạn 2016-2020 này, KBNN Tỉnh đã kiểm soát thanh toán và giải ngân với tổng số vốn thực hiện giải ngân 14.902,93 tỷ đồng/19.686,51 tỷ đồng tỷ đồng kế hoạch, cụ thể: năm 2016 là 2.204,936 tỷ đồng/2.617,776 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân vốn đạt 84,23%; năm 2017 là 2.878,48 tỷ đồng/3.917,62 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân vốn đạt 73,48%; năm 2018 là 3.319,65 tỷ đồng/4.621,42 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân vốn đạt 71,83%; năm 2019 là 3.140,38 tỷ đồng/4.066,66 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân vốn đạt 77,22%; năm 2020 là 3.359,46 tỷ đồng/4.463,02 tỷ đồng, tỷ lệ giải ngân vốn đạt 75,27%. Tỷ lệ giải ngân vốn thực tế so với kế hoạch từ nguồn ngân sách Tỉnh đạt mức cao. Nhìn chung qua các năm, tình hình giải ngân vốn chưa hoàn thành kế hoạch đã đề ra, hầu hết đạt tỷ lệ dưới 95% ở tất cả các nguồn vốn.

Đây là một khó khăn, vướng mắc lớn của lãnh đạo và cán bộ Tỉnh. UBND Tỉnh đã bám sát hướng dẫn của Luật Đầu tư Công số 49/2014/QH13 ngày 16/6/2014 đã chủ động trong việc bố trí kinh phí cũng như phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình trước 30/10 hàng năm, từ đó chủ động trong việc chỉ đạo thực hiện. Tuy nhiên, tổng số vốn thực hiện giải ngân 14.902,93 tỷ đồng/19.686,51 tỷ đồng tỷ đồng kế hoạch (giải ngân vốn đạt 75,6% kế hoạch). Tỷ lệ giải ngân dưới 95% là tương đối thấp ở tất cả các nguồn vốn.

Bảng 1.9 Nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2020

ĐVT: Tỷ đồng.

STT	Tiêu chí	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		2017	2018	2019	2020
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	TH/KH (%)	TH/KH (%)	TH/KH (%)	TH/KH (%)
	TỔNG CỘNG:	2.617,77	2.204,93	3.917,62	2.878,48	4.621,42	3.319,65	4.066,66	3.140,38	4.463,02	3.359,461	73,48	71,83	77,22	75,27
I	Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	1.932,05	1.522,99	2.688,30	2.240,55	2.757,08	2.201,21	2.873,53	2.415,25	3.231,40	2.530.832	83,91	79,84	84,05	78,32
1	Nguồn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ	505,00	400,526	557,48	462,84	559,653	356,022	559,653	435,314	626,239	368.229	83,02	63,61	77,78	58,80
2	Nguồn xổ số kiến thiết	700,00	446.837	1.200,00	902,964	1.270,00	985,855	1.380,00	1.121,803	1.460,00	1.053.690	75,25	77,63	81,29	72,17
3	Nguồn ngân sách tập trung Huyện, Thành phố	377,05	325,62	462,829	424,747	477,434	409,333	483,877	408,142	545,168	508.913	91,77	85,74	84,35	93,35
4	Nguồn thu tiền sử dụng đất	350,00	350,00	450,00	450,00	450,00	450,00	450,00	450,00	600,00	600.000	100,0	100,0	100,0	100,0
II	Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ	685,72	681,94	1.247,31	637,937	1.864,335	1.118,446	1.193,13	725,13	1.231,620	828.629	51,14	59,99	60,78	67,28

Nguồn: Theo báo cáo quyết toán hàng năm của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp

Nguồn vốn giải ngân được chi trả chi 4 loại dự án, công trình, đó là: Trả nợ cho các công trình hoàn thành đã được quyết toán, thanh toán khối lượng các công trình chuyển tiếp, Thực hiện các công trình xây dựng mới, thanh toán công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán. Nhìn vào bảng 1.9 có thể nhận thấy nguồn vốn tập trung bố trí cho các công trình, dự án xây mới và các công trình chuyển tiếp, tỷ lệ giải ngân vốn đạt tương đối cao. Lý giải cho nguyên nhân này là nhờ UBND Tỉnh đã chủ động trong khâu lập kế hoạch đầu tư ngay từ cuối năm trước, nên đã chủ động trong việc chỉ đạo thực hiện cũng như bố trí vốn.

Bảng 1.10 Nguồn vốn bố trí cho các công trình
(Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ; vốn xổ số kiến thiết)

ĐVT: Tỷ đồng.

STT	Tiêu chí	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020		
		KH	TH	TH/KH (%)	KH	TH	TH/KH (%)	KH	TH	TH/KH (%)	KH	TH	TH/KH (%)	KH	TH	TH/KH (%)
A	Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ	505,0	400,5	79,3	505,0	426,0	80	559,3	415,5	74	546,5	439,4	80,4	553,6	330,8	59,8
B	Vốn xổ số kiến thiết	700,0	446,8	63,8	700,0	903	75,3	1.293	1.018	79	1.371,0	1.123	82	1.530	1.148	75

Nguồn: Theo báo cáo kế hoạch phân bổ vốn hàng năm của Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Đồng Tháp

Các công trình thi công đảm bảo tiến độ: Dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Tháp (700 giường); Dự án Đường Nguyễn Sinh Sắc (đoạn từ ĐT 848 đến Cầu Cái Cỏ); Công trình Đường ĐT 852B giai đoạn 2, (đường vành đai Tây Bắc, TP Sa Đéc); Dự án Đường Hoàng Sa, thành phố Sa Đéc; Dự án Nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án thành phố Cao Lãnh (vốn WB); Đường Lý Thường Kiệt nối dài, thành phố Cao Lãnh; Đường Sở Tư pháp kết nối đường Tân Việt Hòa, thành phố Cao Lãnh; Mở rộng đường vào Sở chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (đoạn từ Quốc lộ 30 đến cầu Bình Trị)... Một số công trình chuyển tiếp thực hiện chưa đúng tiến độ: Cụm công nghiệp Tân Lập – Huyện Châu Thành; Khu công nghiệp Tân Kiều – Huyện Tháp Mười; Dự án Nâng cấp tuyến đê bao, kè chống sạt lở, xây dựng hệ thống cống dọc sông Tiền, thành phố Cao Lãnh... nguyên nhân do công tác tư vấn thiết kế chất lượng chưa cao dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế nhiều lần gây chậm tiến độ thi công, một số nhà thầu tư vấn (quy hoạch) lập hồ sơ còn chậm, phối hợp với chủ đầu tư chưa cao...

Sang đến năm 2016, về cơ bản Tỉnh đã giải quyết hết các khoản nợ đọng XDCCB đối với các dự án chuyển tiếp, thanh toán khối lượng các công trình chuyển tiếp: là 67,57 tỷ đồng/400,5 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 13,38%.

Các dự án đã hoàn thành và được UBND Tỉnh ban hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành là các dự án luôn đạt kết quả giải ngân thực tế so với kế hoạch cao nhất.

Các công trình xây dựng mới tỷ lệ giải ngân thực tế so với kế hoạch không cao dưới 95%. Về cơ bản, đối với các công trình xây dựng, vốn bố trí cho công trình dạng này không được ưu tiên, UBND Tỉnh chủ yếu tập trung giải quyết cho các công trình đã hoàn thành hoặc có khả năng hoàn thành trong năm nhằm giải quyết dứt điểm nợ đọng XDCCB. Ngoài ra do việc chậm trễ trong tiến độ thi công, trong công tác đền bù GPMB, việc điều chỉnh thiết kế cũng làm ảnh hưởng tới công tác giải ngân vốn cho công trình xây mới.

Nhìn vào bảng 1.11 nhận thấy rằng tỷ lệ các dự án được giải ngân vốn đúng tiến độ của kế hoạch cơ bản đạt tiến độ: năm 2016 số dự án được cấp vốn là 136 dự án với giá trị 1.205,0 tỷ đồng, số dự án giải ngân đúng tiến độ là 113 dự án, tỷ lệ các dự án giải ngân đúng tiến độ đạt 72% ứng với giá trị giải ngân 868,3 tỷ đồng; năm 2017 số dự án được cấp vốn là 94 dự án với giá trị 1.757,5 tỷ đồng, số dự án giải ngân đúng

tiến độ là 59 dự án, tỷ lệ các dự án giải ngân đúng tiến độ đạt 74% ứng với giá trị giải ngân 1.277,69 tỷ đồng; năm 2018 số dự án được cấp vốn là 71 dự án với giá trị 1.829,3 tỷ đồng, số dự án giải ngân đúng tiến độ là 52 dự án, tỷ lệ các dự án giải ngân đúng tiến độ đạt 76% ứng với giá trị giải ngân 1.411,15 tỷ đồng; năm 2018 số dự án được cấp vốn là 71 dự án với giá trị 1.829,3 tỷ đồng, số dự án giải ngân đúng tiến độ là 52 dự án, tỷ lệ các dự án giải ngân đúng tiến độ đạt 76% ứng với giá trị giải ngân 1.411,15 tỷ đồng; năm 2019 số dự án được cấp vốn là 95 dự án với giá trị 1.939,7 tỷ đồng, số dự án giải ngân đúng tiến độ là 70 dự án, tỷ lệ các dự án giải ngân đúng tiến độ đạt 76% ứng với giá trị giải ngân 1.442,6 tỷ đồng; năm 2020 số dự án được cấp vốn là 72 dự án với giá trị 2.086,6 tỷ đồng, số dự án giải ngân đúng tiến độ là 67 dự án, tỷ lệ các dự án giải ngân đúng tiến độ đạt 73% ứng với giá trị giải ngân 1.511,2 tỷ đồng.

Bảng 1.11 Tình hình giải ngân vốn đầu tư XDCB giai đoạn 2016 - 2020
(Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ; vốn số số kiến thiết)

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	So sánh (%)			
								2017/2016	2018/2017	2019/2018	2020/ 2019
1	Tổng số dự án thực hiện trong năm	ĐA	136	94	71	95	72	69,1	75,5	133,8	75,8
	- DA giải ngân đúng tiến độ		113	59	52	70	67			3.231,40	2.530.832
	- DA giải ngân chậm tiến độ		23	35	19	25	5			626,239	368.229
2	Tỷ lệ dự án chậm tiến độ	%	16,911	37,894	31,57	28,07	7,46				1.053.690
3	Tổng kinh phí được cấp theo kế hoạch	Tỷ đồng	1.205,0	1.757,5	1.829,3	1.939,7	2.086,6	143,8	106,9	103,5	108,7
	- Kinh phí giải ngân đúng tiến độ		868,3	1.277,6	1.411,1	1.442,6	1.511,2				600.000
	- Kinh phí giải ngân chậm tiến độ		336,7	454,8	441,157	474,95	572,4				828.629
4	Tỷ lệ kinh phí giải ngân chậm tiến độ	%	27,94	26,25	23,81	24,76	27,47				

Nguồn: Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp

Các dự án giải ngân vốn chậm so với kế hoạch khá nhiều, luôn chiếm 26% - 27% số dự án được cấp vốn. Nhìn chung tỷ lệ thực tế cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn 5 năm từ 2016-2020 cho các dự án còn khá chậm, mặc dù thủ tục đầu tư đã được hoàn thiện theo hướng phân cấp mạnh cho địa phương và chủ đầu tư nhưng lập phê duyệt dự án, tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đến tổ chức thi công, thanh - quyết toán mất rất nhiều thời gian. Theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ, chủ đầu tư phải gửi hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế thi công đến các sở chuyên ngành và cơ quan chuyên môn cấp Tỉnh để thẩm tra, nghiệm thu theo quy định, làm kéo dài thời gian chuẩn bị thủ tục đầu tư. Do đó, nhiều công trình đã có khối lượng nhưng không tổ chức nghiệm thu thanh toán.

Mặc khác, do năng lực tài chính, cán bộ kỹ thuật, đội ngũ công nhân, máy móc thiết bị của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu. Một số nhà thầu tuy có năng lực nhưng thực hiện nhiều công trình một lúc nên chậm tiến độ. Ngoài ra, hầu hết các công trình chậm tiến độ khi hết hạn hợp đồng, nhà thầu dừng thi công thì các chủ đầu tư mới báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo.

2.6. Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

Công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành được thực hiện theo đúng các hướng dẫn của Bộ Tài chính về quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành, đảm bảo đúng quy trình và thời gian. Công tác thẩm tra quyết toán vốn cho công trình đầu tư XDCB là sự phối hợp giữa Tổ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư và các chủ đầu tư, đơn vị thi công xây lắp công trình và đơn vị tư vấn nhằm kiểm tra đối chiếu tình hình thanh toán và công nợ của dự án đồng thời phát hiện và giám trừ thanh toán các khoản chi không đúng quy định.

Thông qua bảng số liệu 1.12, có thể nhận thấy lượng hồ sơ dự án trình phê duyệt quyết toán trong kỳ là rất nhiều, qua 4 năm đã quyết toán được 823/823 dự án trình thẩm tra phê duyệt quyết toán, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đạt 100%. Nếu như năm 2016 chỉ có 220 dự án được thẩm tra thì sang đến năm 2017 con số này là 282 dự án, tỷ lệ tăng bình quân mỗi năm 128,18%. Điều này ghi nhận sự nỗ lực của Sở Tài chính Tỉnh nên công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được thực hiện hoàn thành 100%. Quá trình thẩm tra quyết toán 4 năm đã xuất toán chi phí không hợp lý 2,97 tỷ đồng.

Bảng 1.12: Tình hình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	So sánh (%)		
						2017/2016	2018/2017	2019/2018
1	Số dự án nhận trong kỳ	220	282	171	150	128,18	60,63	87,71
2	Số dự án kỳ trước chuyển sang	-	-	-	-	-	-	-
3	Số dự án được thẩm tra quyết toán	220	282	171	150	128,18	60,63	87,71
4	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	6.067,12	7.752,21	10.856,5	9.689,67	-	-	-
5	Giá trị CĐT đề nghị quyết toán (tỷ đồng)	2.548,28	2.859,42	3.125,2	2.998,17	127,77	140,04	89,25
6	Giá trị quyết toán được duyệt (tỷ đồng)	2.545,81	2.860,99	3.124,7	2.998,3	112,21	109,29	95,93
7	Chênh lệch giảm (tỷ đồng)	-2,47		-0,5			572,4	

Nguồn: Theo báo cáo của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp

Đa phần là xuất toán phần khối lượng chiết tính sai, đơn giá thi công chưa phù hợp định mức. Năm 2016, công tác thẩm tra quyết toán cắt giảm 2,47 tỷ đồng, năm 2018 công tác thẩm tra quyết toán cắt giảm 0,5 tỷ đồng chi phí đầu tư không hợp lý. Chủ yếu sai sót về khối lượng thanh toán, đơn giá vật liệu, nhân công, áp các hệ số của chi phí tư vấn, quản lý dự án, giám sát chưa đúng theo quy định.

Mỗi một dự án được trình thẩm tra quyết toán đều quy định về thời hạn trả hồ sơ, đối với dự án nhóm A là 9 tháng, nhóm B là 6 tháng, nhóm C là 4 tháng và công trình chỉ lập BCKTKT là 3 tháng. Đa phần dự án ở Tỉnh chỉ là các dự án nhóm B, nhóm C, các công trình lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Nhìn vào bảng số liệu 1.12 Về tình hình thẩm tra quyết toán vốn dự án hoàn thành, có thể nhận thấy công tác thẩm tra ngày càng đảm bảo về tiến độ, số dự án được thẩm tra đúng tiến độ luôn ở mức cao, như năm 2016 có 220/220 dự án hoàn thành thẩm tra đúng thời hạn, ứng với tỷ lệ 100%, sang năm 2017 con số này là 100% với 282/282 dự và năm 2018 là 100% với 171/171 dự án được thẩm định. Các dự án chậm thẩm tra quyết toán trên 24 tháng là không có. Điều này cho thấy công tác thẩm tra quyết toán ngày càng được đẩy mạnh, đảm bảo cho việc hoàn thành thủ tục để tất toán công trình đúng tiến độ. Tuy nhiên, về số lượng dự án, công trình thẩm tra năm 2019, năm 2020 có giảm hơn so với các năm trước, vì Tỉnh phân khai mục tiêu các nguồn vốn về cho Huyện, Thành phố thực hiện làm chủ đầu tư và quyết toán các công trình theo phân cấp.

Bảng 1.13: Thống kê tình hình thẩm tra quyết toán dự án trong kỳ

ĐVT: Dự án, công trình

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	So sánh (%)		
						2017/2016	2018/2017	2019/2018
1	Tổng số dự án trong năm	220	282	171	150	128,18	60,64	87,72
2	Số dự án chưa quyết toán	-	-	-	-	-	-	-
3	Số dự án được quyết toán trong kỳ	220	282	171	150	-	-	-
4	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	6.067,12	7.752,21	10.856,5	9.689,67	-	-	-
a	Giá trị được quyết toán trong kỳ (tỷ đồng)	2.545,81	2.860,99	3.124,7	2.998,3	112,38	109,22	95,95
b	Dự án quyết toán đúng hạn	220	282	171	150	-	-	-
c	Quyết toán chậm từ 1 – 6 tháng	-	-	-	-	-	-	-
d	Quyết toán chậm từ 6 tháng trở lên	-	-	-	-	-	-	-
e	Số dự án chưa quyết toán	-	-	-	-	-	-	-

Nguồn: Theo báo cáo của Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp

Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình được các chủ đầu tư quan tâm, thực hiện, tạo điều kiện thanh toán vốn đầu tư. Một số chủ đầu tư do chưa nắm được trình tự thủ tục đầu tư xây dựng công trình, công trình thi công trong thời điểm biến động giá đến khi hoàn thành mới lập hồ sơ xin điều chỉnh giá hoặc xin điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng công trình do các chi phí thanh toán đã vượt tổng mức đầu tư đã phê duyệt. Vì vậy không đảm bảo thời gian lập hồ sơ quyết toán đúng quy định, chất lượng hồ sơ trình quyết toán chưa cao.

3. TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XDCB TỪ NGUỒN VỐN NSNN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

3.1. Những tồn tại

- Trong phân bổ nguồn vốn NSNN cho đầu tư XDCB hàng năm

Công tác lập và phân bổ dự toán ngân sách hàng năm được UBND Tỉnh, UBND các Huyện, Thành phố xây dựng, tập hợp và trình tại kỳ họp Hội đồng nhân dân theo đúng quy định. Tuy nhiên, do nguồn thu ngân sách trên địa bàn hàng năm thấp, nguồn vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản hàng năm chủ yếu từ nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, thu thuế tài nguyên môi trường, thu từ xổ số kiến thiết và trợ cấp từ ngân sách cấp trên nên khi thực hiện xây dựng dự toán vốn cho đầu tư XDCB chưa lường hết được nhu cầu về nguồn vốn thực tế đầu tư tại các đơn vị trên địa bàn Tỉnh.

Các Huyện, Thành phố đầu tư khá dàn trải trong tư duy nhiệm kỳ. Một số lãnh đạo Huyện, Thành phố do năng lực còn hạn chế, thiếu tầm nhìn. Luôn có suy nghĩ đầu tư xây dựng được một hoặc vài công trình của địa phương để tạo dấu ấn, trong khi khả năng bố trí nguồn vốn thanh toán cho các dự án tại các Huyện, Thành phố của Tỉnh thấp, chủ yếu trông chờ vào trợ cấp hỗ trợ từ ngân sách của cấp trên.

Nguồn ngân sách Tỉnh bố trí cho các Huyện, Thành phố để thực hiện đầu tư XDCT ngay từ đầu năm thấp, hàng năm căn cứ nguồn hỗ trợ từ cấp trên, UBND Tỉnh phân bổ kinh phí cho các dự án trong năm. Do vậy, một số dự án do UBND các Huyện, Thành phố làm chủ đầu tư chưa thực sự chủ động trong công tác triển khai dự án, thụ động trong quá trình đầu tư công trình trọng điểm ít nhiều cũng ảnh hưởng đến hiệu quả dự án sau đầu tư.

- Tồn tại trong quản lý trình tự lập dự án đầu tư xây dựng công trình

Trong thời gian qua, mặc dù UBND Tỉnh đã chỉ đạo sát sao công tác quản lý trong việc lập dự án từ khâu xin chủ trương đến khâu thẩm định dự án tuy nhiên vẫn còn xảy ra tình trạng một số dự án chất

lượng lập dự án đầu tư còn yếu, công tác giám sát trong khâu khảo sát, thiết kế chưa tốt dẫn đến sai sót về nhu cầu sử dụng dự án sau khi hoàn thành, khối lượng thiết kế công trình, quy mô dự án dẫn đến trong quá trình thi công phải sửa đổi, bổ sung thiết kế nhiều lần làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án và chất lượng công trình.

Trong công tác quy hoạch vĩ mô còn thiếu đồng bộ, quy hoạch chi tiết 1/2000 và quy hoạch chi tiết 1/500 chưa thể hiện đầy đủ. Đặc biệt các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã thay đổi nhiều, không nhất quán trong quy hoạch nên khi thực hiện đầu tư gặp nhiều khó khăn.

Công tác khảo sát, lập dự án và đánh giá nhu cầu sử dụng dự án của chủ đầu tư đối với các đơn vị tư vấn còn hạn chế. Đặc biệt ảnh hưởng của việc bố trí nguồn vốn cho dự án cũng làm ảnh hưởng đến quy mô của dự án. Năng lực của một số đơn vị tư vấn còn hạn chế nên công tác lập dự án và thiết kế cơ sở chưa tính đến và dự báo hết các tình huống xấu nhất có thể xảy ra để khi triển khai thi công làm phát sinh các hạng mục làm vượt tổng mức đầu tư, dẫn đến phải điều chỉnh tổng mức đầu tư.

- Tồn tại trong công tác lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng:

Trong công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, thẩm định kết quả đấu thầu, UBND Tỉnh đã chỉ đạo UBND các Huyện, Thành phố, các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng chuyên ngành thực hiện nghiêm túc, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành như: thành lập tổ chuyên gia xét thầu, chấm thầu đối với các gói thầu trên địa bàn huyện. Tất cả các thành viên trong tổ là các cán bộ của các cơ quan chuyên môn của Tỉnh, có đầy đủ các yếu tố về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hoặc các đơn vị tư vấn có đủ tư cách pháp nhân theo quy định. Công tác lựa chọn nhà thầu cũng được triển khai theo đúng trình tự. Tuy nhiên vẫn bộc lộ một số tồn tại đó là:

Các thành viên của tổ là cán bộ của ban QLDA đầu tư và xây dựng chuyên ngành thêm một số thành phần là cán bộ của Sở chuyên, ngành (đặc biệt đối với các dự án thực hiện chỉ định thầu) nên không tránh được tình trạng thiếu công tâm trong việc lựa chọn, đánh giá nhà thầu từ đó nhiều dự án đấu thầu hoặc chỉ định thầu mang tính hình thức, chiếu lệ, hiệu quả không cao. Nội dung này thể hiện rõ nhất ở tỷ lệ giám thầu không đáng kể.

Một số dự án trong quá trình thực hiện đấu thầu đã thể hiện có việc dàn xếp tham gia đấu thầu giữa các nhà thầu khi tham gia đấu thầu mà chủ đầu tư không thể kiểm soát được ví dụ như hiện tượng: Số lượng nhà thầu đăng ký mua hồ sơ nhiều nhưng khi tham gia rất ít chỉ vượt ngưỡng về số lượng nhà thầu tham gia theo quy định hoặc số lượng nhà thầu tham gia mua hồ sơ rất ít, đạt số lượng theo quy định. Công tác kiểm soát quy chế đấu thầu chưa chặt chẽ, việc đánh giá năng lực nhà thầu chưa đảm bảo, chưa lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực nên khi thực hiện thi công công trình kéo dài, chi phí đầu tư bổ sung lớn.

Công tác kiểm tra năng lực thực tế của nhà thầu khi tham gia đấu thầu của một số chủ đầu tư và Ban QLDA đầu tư và xây dựng chuyên ngành còn hạn chế nên một số nhà thầu năng lực yếu vẫn tham gia đấu thầu và trúng thầu, khi trúng thầu lại liên kết với một số đơn vị khác để thi công công trình nên gây khó cho chủ đầu tư trong việc giám sát thi công, quản lý dự án, ảnh hưởng lớn đến tiến độ thi công và chất lượng công trình hoàn thành.

- Tồn tại trong quản lý thi công xây dựng công trình Công tác đền bù GPMB, bồi thường hỗ trợ và ĐTC:

Công tác đền bù GPMB, bồi thường hỗ trợ và ĐTC của các dự án trên địa bàn Tỉnh hầu như sử dụng ngân sách Tỉnh, ngân sách Huyện hoặc giao cho các xã, thị trấn vận động nhân dân để GPMB. Công tác GPMB giao do UBND Thành phố, Huyện thực hiện có hiệu quả cao, do Thành phố, Huyện có Trung tâm phát triển quỹ đất là cơ quan chuyên trách về công tác GPMB. Tuy nhiên trong công tác triển khai dự án, các dự án chậm tiến độ có một phần không nhỏ ảnh hưởng do công tác GPMB. Trong việc xây dựng phương án, một số cán bộ chuyên môn của Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố, Huyện, cán bộ của các xã, thị trấn đã thực hiện kiểm đếm và xác định chưa chính xác dẫn đến tình trạng khiếu kiện, khiếu nại và làm kéo dài tiến độ GPMB của dự án, việc áp dụng đơn giá trong phương án chưa phù hợp với thực tế và có những điểm gây bất lợi cho người dân trong vùng dự án.

- Công tác tổ chức thực hiện dự án:

Một số chủ đầu tư, ban QLDA trong việc triển khai dự án còn tình trạng nể nang, tạo điều kiện cho đơn vị thi công trong việc nghiệm thu khối lượng như cho nợ khối lượng nghiệm thu để thanh toán, thông đồng trong việc bớt khối lượng ở một số hạng mục phụ, bị

che khuất như cạy ly vận chuyển khối lượng đất, đá phế thải ra khỏi công trường, đào đắp khối lượng chìm, khuất. Công tác đôn đốc tiến độ thi công tại một số dự án chưa cương quyết, do vậy tiến độ tiến độ thi công của một số dự án chậm.

Các nguyên nhân làm chậm tiến độ thi công công trình như:

- Năng lực của đơn vị tư vấn giám sát.
- Điều kiện thi công.
- Trách nhiệm Chủ đầu tư (Thiếu kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công; Xây dựng kế hoạch, tiến độ thi công chưa phù hợp; Ít quan tâm giải quyết các vướng mắc khó khăn).
- Năng lực của nhà thầu thi công (Nguồn lực tài chính không đáp ứng đủ; Khả năng cung cấp vật tư không đáp ứng kịp; Năng lực về trang, thiết bị máy móc thi công lạc hậu).
- Công tác giải phóng mặt bằng (Việc khiếu kiện, khiếu nại của người dân kéo dài; Tiến độ giải phóng mặt bằng không theo đúng kế hoạch giao đất cho dự án; Chính sách liên quan khác về thu hồi đất cho dự án).
- Ngoài ra còn có một số điều kiện khách quan khác cũng ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình (Không bố trí vốn kịp thời, bố trí vốn không đủ, các văn bản quy định pháp luật thay đổi liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng).

- Tồn tại trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư:

Trong khâu thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, tổng dự toán, dự toán:

Công tác thẩm định dự án, thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật chưa đạt yêu cầu tại một số dự án đầu tư, chất lượng thẩm định của cơ quan chuyên môn theo phân cấp còn hạn chế dẫn đến việc thẩm định kéo dài, thiếu khối lượng và yêu cầu sử dụng của dự án đầu tư khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

Tình trạng một dự án phải phê duyệt bổ sung nhiều lần vẫn diễn ra khá phổ biến. Việc khống chế, ấn định tổng mức đầu tư chưa được thực hiện nghiêm túc dẫn đến dự án phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần do bổ sung, thay thế hoặc loại bỏ một số chi tiết, một số hạng mục của dự án gây khó cho đơn vị thi công và hiệu quả sử dụng của dự án sau này.

Việc thẩm định, phê duyệt bổ sung dự toán do thay đổi chế độ về đơn giá theo quy định của Nhà nước ở một số dự án chưa thực hiện nghiêm túc. Như chưa xác định điểm dừng kỹ thuật để xác định khối lượng chính xác được hưởng điều chỉnh theo chế độ, có sự xuề xòa giữa chủ đầu tư và nhà thầu trong việc xác định khối lượng bên cạnh đó là sự thiếu kinh nghiệm, hạn chế về năng lực, chuyên môn của đội ngũ cán bộ thẩm định của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Trong công tác thanh toán:

Trong quá trình quản lý khối lượng thi công công trình, đặc biệt vào thời điểm cuối năm, do yêu cầu phải thanh vốn kế hoạch đã bố trí trong năm nên các chủ đầu tư thực hiện nghiệm thu vượt khối lượng thực tế thi công cho nhà thầu, thanh toán theo khối lượng đã nghiệm thu. Đây thực chất là nghiệm thu khống, tạo ra rủi ro cho Chủ đầu tư trong khâu quản lý vốn và tạo sức ỳ cho nhà thầu.

Công tác lập quyết toán để thanh toán khối lượng hoàn thành chủ yếu dựa trên thiết kế dự toán được duyệt (mà chủ yếu dựa trên bảng tiên lượng trúng đấu thầu hay chỉ định thầu). Có nhiều công trình bản vẽ hoàn công và quyết toán chỉ là thủ tục hình thức cho đủ chứ chưa phản ánh được thực chất khối lượng thực tế và kết quả thi công lên công trình.

Trong khâu quản lý khối lượng thanh toán cho các đơn vị thi công đã bộc lộ những tồn tại, yếu kém được thể hiện rõ sau kết quả kiểm toán lĩnh vực đầu tư XDDB của Tỉnh trong 5 năm 2016-2020, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Tỉnh đã kiến nghị giảm trừ giá trị quyết toán công trình, truy thu kinh phí ở một số dự án.

3.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân về thể chế quản lý

Hiệu lực pháp lý của một số văn bản Pháp luật trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư XDDB còn yếu. Một số dự án triển khai đầu tư chưa tuân thủ nghiêm túc các quy định như trình tự, thủ tục lập dự án, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Công tác thẩm định, phê duyệt dự án, Báo cáo KTKT chưa tuân thủ các quy trình và sự phù hợp với chính sách hiện hành, những quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt, có sự chông chéo trong việc ban hành các quy định. Việc ra các quyết định đầu tư, phê duyệt quy hoạch của cơ quan nhà nước

có thẩm quyền cũng thực sự chưa mang tính khách quan, đúng quy trình, quy phạm theo quy định của Luật hiện hành.

Các văn bản quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư thay đổi nhiều lần, chông chéo, đa nghĩa gây lúng túng vướng mắc cho địa phương trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện.

Cơ chế bồi thường GPMB ở từng Tỉnh có cơ chế riêng, không đồng nhất do vậy gây ra tâm lý hoài nghi trong nhân dân, đặc biệt khu vực giáp ranh đơn vị hành chính, tốc độ GPMB chậm và hết sức phức tạp ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án.

Chế độ chính sách trong quản lý đầu tư, xây dựng còn nhiều điểm bất cập, chưa thống nhất, công kênh, chông chéo là những khó khăn, vướng mắc trong quản lý dự án đầu tư XDDB đặc biệt là quản lý tiến độ, chất lượng và giá trị đầu tư dự án. Tiến độ thi công một số công trình kéo dài, dự án thay đổi, bổ sung, điều chỉnh nhiều lần do vậy phải xin chủ trương của tỉnh, lập thiết kế, dự toán bổ sung điều chỉnh để trình duyệt cũng mất nhiều thời gian cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

Thiếu cơ sở pháp lý cho việc hình thành cơ chế kiểm tra giám sát, đánh giá tổng kết công tác đầu tư XDDB sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước một cách thường xuyên, liên tục cũng như công tác đánh giá hiệu quả dự án sau đầu tư và hiệu quả của đồng vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho các dự án ĐTXDDB trên địa bàn.

Các quy định pháp lý còn chung, chưa quy rõ trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong việc quản lý dự án ĐTXDDB, trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc quyết định đầu tư dự án kém hiệu quả.

Công tác lập dự toán ngân sách hàng năm còn bất cập trong phân định nguồn vốn ngân sách cho lĩnh vực ĐTXDDB, chưa chủ động trong bố trí nguồn vốn cho đầu tư, nguồn kinh phí bổ sung, hỗ trợ hàng năm lớn hơn rất nhiều lần nguồn vốn bố trí ngay từ đầu năm, chủ đầu tư các dự án không thể chủ động trong việc lập dự án, Báo cáo KTKT để đầu tư xây dựng công trình.

- Nguyên nhân về trình độ quản lý

Năng lực của cán bộ thuộc các phòng ban chuyên môn của các Sở chuyên ngành, UBND các Thành phố, Huyện còn thiếu và trình độ không đồng đều trong việc thẩm định, phân tích tài chính, khả năng sinh lợi của dự án, hiệu quả của dự án với xã hội, phân tích tác động đến môi trường của dự án đầu tư.

Sự phối hợp trong công tác chỉ đạo quản lý giữa các cơ quan của Tỉnh và UBND các Thành phố, Huyện chưa đồng bộ, thiếu hiệu quả, công việc chồng chéo, không rõ nên hiệu quả quản lý ở một số khâu còn hạn chế.

Sức ép về thời gian ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng của thẩm định dự án. Theo quy định, thời gian thẩm định dự án phụ thuộc vào quy mô và tầm quan trọng của dự án. Chẳng hạn như đối với những dự án xây dựng công trình, thời gian thẩm định của các dự án quan trọng quốc gia là không quá 90 ngày làm việc từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; còn thời gian thẩm định đối với dự án nhóm A, B, C lần lượt là không quá 40, 30, và 20 ngày làm việc. Mặc dù quy định chính thức là như vậy, song trên thực tế, thời gian thẩm định phải được rút ngắn hơn rất nhiều thì mới có thể giải quyết được một khối lượng dự toán cần phải thẩm định. Điều này mâu thuẫn trực tiếp với thực trạng năng lực của đội ngũ thẩm định hạn chế, thiếu động cơ khuyến khích làm việc, nguồn dữ liệu và thông tin chuyên môn khan hiếm. Kết quả là trong trong nhiều trường hợp, việc thẩm định dự án hoặc rất tốn thời gian, hoặc chỉ được làm sơ sài chiếu lệ.

Năng lực của các cơ quan thẩm định dự án hiện rất hạn chế, thể hiện rõ nhất qua việc thẩm định các dự đầu tư quy mô lớn và phức tạp. Vì thiếu năng lực thẩm định nên các cơ quan thẩm định thường không đưa ra được những đánh giá thuyết phục về hiệu quả tài chính, kinh tế, và xã hội của dự án, và vì vậy không đủ luận cứ để loại bỏ hay thông qua dự án. Trong trường hợp này, giải pháp thông thường là yêu cầu chủ đầu tư điều chỉnh lại dự án sao cho phù hợp với các quy định hiện hành để tránh những rủi ro về trách nhiệm và pháp lý sau này. Một số nhà thầu tư vấn thiết kế, giám sát, thi công năng lực tài chính, kỹ thuật hạn chế và yếu, tìm cách che chắn lẫn nhau trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, tạo khó cho chủ đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước.

4. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI TỈNH TRONG THỜI GIAN TỚI

Để đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội bền vững, trong những năm tới cần thực hiện tái cơ cấu kinh tế sâu rộng, đổi mới chính sách tăng trưởng, tài chính công, tác giả đề xuất các định hướng cơ bản sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống thể chế quản lý công, tập trung thống nhất về phạm vi đầu tư. Trên cơ sở đó, triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn. Xây dựng và thực hiện hệ thống thông tin điện tử phục vụ công tác chuẩn bị lập dự án ngân sách, có quy trình quản lý, cập nhật kịp thời tình hình thu chi ngân sách để cho các cấp chính quyền thực hiện và tự chịu trách nhiệm. Tập trung đầu tư công vào các công trình trọng điểm, có tính đột phá và lan tỏa nhằm nhanh chóng đưa vào sử dụng.

Thứ hai, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và phân bổ vốn đầu tư theo các nguyên tắc và tiêu chí đã đưa ra, đảm bảo tính công khai, minh bạch. Đối với các công trình xây dựng cơ bản thì cần kiên quyết thu hồi các khoản tạm ứng và xử lý dứt điểm nợ tồn đọng. Đặc biệt, tăng cường kỷ luật tài chính trong quản lý vốn đầu tư công, ngăn chặn kịp thời các hành vi sai phạm pháp luật.

Thứ ba, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư toàn xã hội, đầu tư nước ngoài, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội. Giảm dần tỷ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước (<40%) và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư công của khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, vốn tư nhân để tăng dần tỷ trọng vốn ở các khu vực này. Việc nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công cần có sự đảm bảo đồng bộ trong đột phá thể chế, thúc đẩy cải cách thể chế từ vĩ mô đến vi mô, tạo động lực về chất cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Có như vậy việc sử dụng hiệu quả và khơi thông dòng chảy vốn đầu tư công mới triệt để và bền vững trong nền kinh tế.

4.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Đồng Tháp trở thành trung tâm phát triển kinh tế mạnh của khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, là vùng đất đáng sống, cái nôi đi đầu trong phong trào xây dựng nông thôn mới ở vùng ĐBSCL. Phát huy mọi nguồn lực để đầu tư cơ sở hạ tầng, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với thực hiện nếp sống văn minh đô thị, tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ về kết cấu hạ tầng, cảnh quan đô thị. Phát triển mạnh mẽ hệ thống Chính quyền điện tử, hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là một số công trình hạ tầng có quy mô lớn, hiện đại; Tập trung vào hệ thống giao thông, hạ tầng đô thị, các khu du lịch trọng điểm, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống các công trình thủy lợi, đê điều cấp bách, hệ thống xử lý chất thải rắn, hạ tầng văn hóa xã hội. Giữ vững ổn định kinh tế đảm bảo phát triển bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng; nâng cao chất lượng du lịch, dịch vụ; phát triển văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh CCHC, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính và xã hội; nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước; giữ vững quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

4.2. Mục tiêu cụ thể

4.2.1. Mục tiêu kinh tế - xã hội

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm từ 7% -10%.
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất các ngành kinh tế bình quân giai đoạn 2016-2020:
- Nông, lâm nghiệp & thủy sản: 7%; CN&XD: 15%; TM&DV: 14%
- Sản lượng lương thực có hạt bình quân/năm: 5 triệu tấn – 6 triệu tấn.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020: 120 triệu đồng.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên duy trì ở mức 1%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: 70%.
- Mức giảm hộ nghèo bình quân hàng năm từ 1,5-2%
- Hàng năm giải quyết việc làm (xuất khẩu lao động) cho 2.500 - 4.000 lao động;
- Phấn đấu đến năm 2020, Huyện Tháp Mười, Thành phố Cao Lãnh, Thành phố Sa Đéc trở thành huyện nông thôn mới.
- Số hợp tác xã mới thành lập: 70 hợp tác xã.
- Duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập GDTH, THCS, phổ cập mùn non 5 tuổi, đẩy mạnh thực hiện phổ cập bậc THPT.

- 100% huyện, thị xã, thành phố đạt và duy trì chuẩn quốc gia về y tế, giáo dục giai đoạn 2011- 2020.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng: 5%.
- Tỷ lệ bác sĩ trên một vạn dân: 08 bác sĩ.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 80%
- Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh toàn Tỉnh: 100%.

4.2.2. Mục tiêu về môi trường

- Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành xây dựng và nâng cấp hệ thống thoát nước ở các Huyện, Thị xã, Thành phố; thu gom 100% rác thải sinh hoạt đô thị; quản lý, xử lý 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế; tiến tới xây dựng công trình xử lý, chế biến rác có công nghệ tiên tiến.
- 100% các khu, cụm công nghiệp, làng nghề được xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn. Từng bước ứng dụng công nghệ sạch vào các ngành kinh tế, đến năm 2020 các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị làm giảm tác nhân gây ô nhiễm môi trường.
- Chú trọng vệ sinh an toàn thực phẩm; hạn chế tối đa các tác hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra; cải thiện vệ sinh môi trường khu vực nông thôn,...

4.2.3. Mục tiêu về quản trị

- Đến năm 2020 cơ cấu kinh tế của các khu vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ: 28% - 37% - 35%.
- Tốc độ tăng thu NS trên địa bàn bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 100%.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm đạt: 15.530 tỷ đồng.

4.3. Giải pháp hoàn thiện quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước của ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

4.3.1. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán và phân bổ dự toán cho công tác ĐTXDCB hàng năm

Trên cơ sở yêu cầu về đầu tư xây dựng các công trình, UBND Tỉnh cần chỉ đạo các chủ đầu tư, Ban QLDA xây dựng chuyên ngành, UBND các huyện, thành phố cần xây dựng lộ trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương trên cơ sở thực lực nguồn ngân sách có thể bố trí để tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả, cần phải xác định rõ dự án đầu tư XDCT nào là trọng tâm (chẳng hạn như dự án đường giao thông là huyết mạch để phát triển kinh tế Tỉnh).

Công tác chuẩn bị lập dự án, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư cho năm sau phải đảm bảo theo quy định của Luật đầu tư công. Các công tác này phải hoàn thành trước 31/10 của năm trước để các cấp trên có cơ sở xây dựng dự toán và chủ động bố trí nguồn vốn cho từng dự án. Hiện nay, vẫn còn tình trạng các dự án được thẩm định sau ngày 31/10, thậm chí sang cả năm sau nhưng vẫn lấy số công văn trước ngày 31/10 năm này để đáp ứng quy trình phê duyệt dự án đầu tư cho năm sau theo quy định của Luật đầu tư công.

Hoàn chỉnh công tác bố trí và cấp phát nguồn vốn đầu tư cho các dự án XDCB trên địa bàn Tỉnh. Chấp hành nghiêm Nghị quyết của HĐND các cấp trong việc phân bổ dự toán chi ĐTXDCB trong năm, hạn chế cấp bổ sung kinh phí cho ĐTXDCB, nhằm từng bước hạn chế và đẩy lùi cơ chế xin cho để xảy ra tiêu cực trong quản lý dự án ĐTXDCB sử dụng ngân sách nhà nước.

Nâng cao chất lượng trong công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình hoàn thành có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Tập trung nguồn ngân sách thanh toán cho các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đã có quyết toán vốn đầu tư được duyệt.

Có kiến nghị và xử lý nghiêm túc đối với cán bộ ban QLDA, chủ đầu tư để xảy ra vi phạm trong quản lý dự án, làm rõ trách nhiệm cá nhân trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án khi không chủ động bố trí được nguồn vốn thanh toán dự án hoặc chậm quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

4.3.2. Nâng cao năng lực và trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý dự án đầu tư XDCB

+ Với các cơ quan quản lý nhà nước cấp Tỉnh

Trong công tác tuyển dụng cán bộ làm công tác thẩm định dự án, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư XDCT đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định, cán bộ thẩm định phải có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý.

Thường xuyên bồi dưỡng và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác thẩm định để kịp thời cập nhật những thay đổi trong cơ chế quản lý. Gắn trách nhiệm cá nhân của cán bộ thẩm định đối với dự án được triển khai. Kiên quyết cho ra khỏi đội ngũ cán bộ thẩm định dự án đối với cán bộ có dấu hiệu tiêu cực, năng lực chuyên môn nghiệp vụ hạn chế, không chịu học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Lấy hiệu quả của dự án đầu tư sau thẩm định làm thước đo tiêu chuẩn của cán bộ làm công tác này.

Đổi mới và đưa vào nề nếp việc thực hiện quy chế tuyển chọn. Định kỳ kiểm tra đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, kịp thời thay thế những cán bộ, công chức yếu kém, thoái hoá. Lực lượng cán bộ, công chức hành chính của bộ máy phải được bồi dưỡng những kiến thức mới về quản lý nhà nước và tổ chức sát hạch. Ai không thoả mãn các tiêu chuẩn thì chuyển sang lĩnh vực khác. Trong bộ máy hành chính của cơ quan quản lý nhà nước hiện nay, phần lớn cán bộ, công chức chưa được đào tạo kỹ và sâu theo công việc thực tế đảm nhận, mà mới được học tập, bồi dưỡng về đường lối, chính sách, kiến thức chung về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế. Nhiều công chức không chịu học tập nên trì trệ, bảo thủ, làm việc với năng suất thấp, hiệu quả thấp và rất ít có công chức giỏi.

+ Với Ban QLDA chuyên ngành, khu vực

Cần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Ban QLDA chuyên ngành, khu vực, cán bộ phụ trách công tác XDCB của các Ban QLDA có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng được yêu cầu trong công tác QLDA. Bố trí đủ số lượng cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ cho ban QLDA chuyên ngành, khu vực, đảm bảo tính kế thừa để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Nêu cao vai trò của từng cá nhân trong nhiệm vụ được giao, phân công trách nhiệm cụ thể của từng cá nhân trong mỗi dự án. Cần kiên quyết đưa ra khỏi ban QLDA những cán bộ không đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong quản lý thi công xây dựng công trình.

Xây dựng hoàn thiện cơ chế quy hoạch cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý của Ban QLDA thực sự phù hợp đáp ứng được yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài.

Đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của mỗi cá nhân trong công việc được phân công. Có sự luân chuyển cán bộ kỹ thuật giữa các dự án để tránh nảy sinh những tiêu cực trong công tác quản lý dự án ĐTXDCB.

+ Đối với UBND các Thành phố, Huyện

Hướng dẫn UBND các Thành phố, Huyện trong công tác QLDA đầu tư, yêu cầu cán bộ phụ trách chuyên môn phải tham gia các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về đấu thầu, quản lý dự án. Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn cán bộ cơ sở trong công tác quản lý dự án đầu tư. Kịp thời bổ sung hướng dẫn UBND các Thành phố, Huyện hoàn thiện hồ sơ quản lý dự án ĐTXDCB theo quy định.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với UBND Thành phố, Huyện trong quản lý ĐTXDCB từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn. Gắn trách nhiệm cá nhân Chủ tịch UBND Thành phố, Huyện trong việc ra đề xuất dự án đầu tư theo phân cấp, công tác bố trí nguồn vốn để nâng cao hiệu quả chất lượng của dự án sau đầu tư, giảm dần nợ công trong đầu tư XDCB.

4.3.3. Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư dự án

Phải xuất phát từ nhu cầu cần thiết phải lập dự án đầu tư của địa phương trên cơ sở phù hợp với nguồn lực có hạn, tiếp đến là công tác lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực và trình độ lập dự án đầu tư, chuyển ý tưởng của lãnh đạo địa phương thành hiện thực đến tuyển chọn tư vấn thẩm tra (nếu cần) và công tác tổ chức thẩm định cần chú ý một số vấn đề sau:

- Phân tích và làm rõ ảnh hưởng của môi trường dự án đến sự thành công của dự án. Môi trường dự án tồn tại bao gồm: Môi trường tự nhiên, môi trường kinh tế, môi trường xã hội;

môi trường pháp lý, môi trường tổ chức, công nghệ... của dự án trong hiện tại và tương lai.

- Phân tích và làm rõ ảnh hưởng của các bên liên quan đến thành công của dự án. Phân tích mục đích, lợi ích và quyền lực của họ đối với dự án, các tác động và ảnh hưởng của bản thân họ đến quá trình thực hiện dự án.
- Phân tích và làm rõ những rủi ro mà dự án có thể gặp phải, ước tính đến tần suất có thể xảy ra rủi ro, đánh giá tác động và những thiệt hại mà rủi ro có thể gây ra đối với dự án để từ đó đề xuất các giải pháp có thể tiến hành, giảm bớt những thiệt hại, ảnh hưởng của rủi ro.
- Xác định rõ cơ chế, nguyên tắc chuyển giao giữa các giai đoạn của dự án để đảm bảo rằng sẽ có được tất cả những sự hỗ trợ cần thiết của chủ đầu tư, các bên liên quan cho đơn vị khi thực hiện giai đoạn tiếp theo của dự án.

Trên cơ sở phải phân tích như vậy, cơ quan thẩm định mới thấy được toàn diện những thuận lợi và khó khăn, thách thức khi thực hiện dự án để có những cảnh báo cho chủ đầu tư, người ra quyết định đầu tư dự án có những lường đoán và chuẩn bị trước để đảm bảo sự thành công của dự án.

Coi trọng quá trình lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư chính là khắc phục việc đầu tư không hiệu quả góp phần tích cực vào chống thất thoát, lãng phí ngay từ khi có chủ trương đầu tư. Trong quá trình đầu tư cần so sánh và đánh giá để chú trọng tập trung đầu tư vào dự án cấp bách, dự án mang lại hiệu quả cao nhất cho xã hội và tính khả thi của nguồn vốn như vậy dự án mới nhanh đưa vào vận hành khai thác đem lại hiệu quả kinh tế cao. Áp dụng chế độ thẩm định khác nhau với ba nhóm dự án: Đối với những dự án có tầm quan trọng và quy mô đặc biệt thì nhất thiết cần thành lập hội đồng thẩm định độc lập. Đối với những dự án có tầm quan trọng và quy mô thấp hơn nhưng vượt qua một ngưỡng nào đó thì tùy không cần thành lập hội đồng thẩm định độc lập, song nên thực hiện đánh giá lại kết quả thẩm định một cách độc lập. Đối với các dự án còn lại, chỉ cần đánh giá lại kết quả thẩm định khi thấy cần thiết.

4.3.4. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra

Công tác kiểm tra, thanh tra trong đầu tư XDCB trên địa bàn Tỉnh từ trước đến nay vẫn được thực hiện, nhưng chỉ đối với từng dự án riêng lẻ và thường xử lý chưa nghiêm minh, chưa phát huy được vai trò của

giám sát cộng đồng mặc dù hàng năm UBND Tỉnh vẫn chi một khoản kinh phí lớn để đảm bảo cho hoạt động này. Để nâng cao hiệu lực của công tác kiểm tra, thanh tra trong đầu tư XDCT, UBND Huyện, Thành phố cần thực hiện một số biện pháp cụ thể sau:

- Xây dựng quy chế và quy định cụ thể về nội dung, trách nhiệm và quyền hạn của từng cơ quan liên quan
- Công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động quản lý đầu tư và xây dựng cần quy định cụ thể trách nhiệm và quyền hạn của từng cơ quan về nội dung kiểm tra, đối tượng kiểm tra và quy định cơ chế phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra giữa các ngành, các cơ quan tránh tình trạng trùng lặp.
- Xây dựng và ban hành quy trình, biện pháp kiểm tra hữu hiệu: để đảm bảo các quy định về đầu tư và xây dựng, tài chính phải được tuân thủ đúng, đủ và phát hiện được những sơ hở trong quy định.
- Công tác kiểm tra, thanh tra phải được thực hiện một cách thường xuyên và toàn diện suốt quá trình thực hiện dự án đầu tư qua tất cả các khâu và tất cả các đối tượng liên quan đến dự án, đồng thời kết hợp với việc kiểm tra đột xuất để đảm bảo tính khách quan.
- Kết quả của công tác kiểm tra, thanh tra cần được công khai, rút kinh nghiệm cho công tác quản lý vốn NSNN trong đầu tư XDCT, đặt biệt là các vi phạm qua thanh tra, kiểm tra cần phải được xử lý nghiêm để nâng cao ý nghĩa của công tác thanh tra, kiểm tra và tính hiệu lực của Luật pháp trong quản lý vốn đầu tư XDCT.

Ngoài ra, cũng cần khuyến khích phát huy công tác giám sát cộng đồng và công khai tài chính đầu tư, góp phần quan trọng trong việc phát hiện những việc làm gây thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước và làm giảm hiệu quả đầu tư của dự án.

Như vậy, việc nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát cộng đồng và công khai tài chính là biện pháp quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư NSNN.

Nâng cao năng lực hiệu quả của lực lượng thanh tra:

- Đối với công tác thanh tra, Ủy ban nhân dân Tỉnh cần:
- Bổ sung thêm cán bộ có năng lực trình độ
 - Tăng kinh phí và trang bị thêm thiết bị kỹ thuật

- Mở rộng phạm vi quyền hạn
- Đảm bảo tính độc lập của lực lượng này

Có những biện pháp thưởng phạt nghiêm minh và ràng buộc trách nhiệm cá nhân, đặc biệt có chế tài xử lý nghiêm các hành vi: thông thầu, gian lận trong kê khai khối lượng, thông đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu,... để đề xuất những biện pháp xử lý nghiêm khắc với cấp có thẩm quyền.

4.3.5. Một số giải pháp khác:

- Thực hiện tốt các quy định về công tác đấu thầu trong hoạt động XDCT

Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu, lựa chọn đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm để tham gia vào hoạt động lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình.

Hạn chế việc chỉ định thầu đối với các gói thầu xây lắp của dự án đầu tư XDCT. Nên tổ chức đấu thầu rộng rãi đối với tất cả các gói thầu xây dựng đảm bảo công khai minh bạch để lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực thực sự tham gia thi công xây dựng công trình.

Quản lý chặt chẽ công tác kiểm tra thực tế năng lực nhà thầu khi tham gia đấu thầu, kiên quyết không cho tham gia đối với nhà thầu không thể chứng minh bằng thực tế năng lực thi công của mình.

Quản lý chặt chẽ thủ tục lựa chọn nhà thầu từ thông báo, bán hồ sơ, tổ chức đấu thầu, xét thầu phải thực sự hiệu quả và đúng bản chất đấu thầu.

- Hoàn thiện công tác quyết toán vốn đầu tư

Công tác quyết toán vốn đầu tư cần phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan cấp phát vốn, thanh toán vốn và đơn vị chủ đầu tư, Ban quản lý dự án trong việc kiểm tra, đối chiếu xác nhận số liệu vốn đầu tư đã cấp phát, thanh toán cho công trình. Đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của các đơn vị nhận thầu trong việc cùng chủ đầu tư giải quyết dứt điểm các vấn đề còn tồn lại theo hợp đồng đã ký kết trước khi hoàn thiện hồ sơ quyết toán.

Đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thẩm tra, quyết toán vốn và trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác thẩm tra. Gắn trách nhiệm cá nhân trong công tác quyết toán vốn đi

kèm với chế độ khen thưởng, kỷ luật rõ ràng, nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của cán bộ thẩm tra quyết toán vốn đầu tư. Trong trường hợp cần thiết có thể thuê đơn vị kiểm toán độc lập làm việc này để đảm bảo tính chính xác, khách quan.

- Giải quyết triệt để tình trạng nợ đọng trong ĐT XDCB bằng vốn NSNN. Không được triển khai các dự án nếu chưa đầy đủ thủ tục về đầu tư và xây dựng theo quy định hiện hành hoặc không có khả năng cân đối vốn theo tiến độ đã được duyệt
- Các dự án khởi công mới phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt, có quyết định đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được duyệt theo đúng quy định của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.
- Ưu tiên thanh toán số nợ vốn đầu tư XDCB từ năm trước; trả các khoản nợ vay tín dụng ưu đãi để thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề, hạ tầng thủy sản; bố trí vốn đầu tư để thực hiện các công trình chuyển tiếp. Sau khi bố trí vốn thực hiện những nhiệm vụ nêu trên nếu còn thì mới bố trí vốn cho công trình khởi công mới.
- Bố trí vốn đầu tư phải lưu ý yêu cầu đảm bảo các dự án được phê duyệt có thể hoàn thành đúng thời hạn quy định.
- Tăng cường kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước của Kho bạc nhà nước Tỉnh nhằm hạn chế nợ đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản phát sinh trong quá trình chi ngân sách Nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn Tỉnh.

5. KẾT LUẬN

1. Dự án đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN là khoản vốn Ngân sách được Nhà nước dành cho việc đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, kinh tế, xã hội mà không có khả năng thu hồi vốn cũng như các khoản chi đầu tư khác theo quy định của Luật NSNN. Công tác quản lý dự án đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN bao gồm các nội dung mang tính quy trình đó là: Quản lý trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng công trình; Quản lý công tác lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng; Quản lý công tác thi công xây dựng công trình; Quản lý vốn dự án đầu tư xây dựng công trình. Công tác này thực hiện tốt và có hiệu quả phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: điều kiện tự nhiên, môi trường chính sách, điều kiện kinh tế xã hội.

2. Kết quả nghiên cứu thực trạng công tác quản lý dự án đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN của tỉnh Đồng Tháp (Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ; vốn xổ số kiến thiết) nhìn chung cho thấy:

- Quản lý trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng công trình: Công tác lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở (hoặc Báo cáo Kinh tế kỹ thuật) của đơn vị tư vấn đã thể hiện được các thông số kỹ thuật chủ yếu phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành. Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn Tỉnh đã quản lý lập dự án (Báo cáo KTKT) và phê duyệt được 351 dự án với tổng mức đầu tư 8.817,649 tỷ đồng (Vốn ngân sách tập trung do Tỉnh quản lý phân bổ; vốn xổ số kiến thiết) theo đúng trình tự quy định.
- Quản lý công tác lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng: đã tuân thủ nghiêm các quy định trong việc lựa chọn nhà thầu. Trong giai đoạn 2016 - 2020 thực hiện các gói thầu trong đó đấu thầu rộng rãi là 1.788 gói thầu, chỉ định thầu là 14.050 gói thầu, chào hàng cạnh tranh 1.282 gói, tự thực hiện 39 gói.
- Đối với công tác quản lý thi công xây dựng công trình: đã tuân thủ các quy định của Chính phủ, của Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình. Tuy nhiên, qua công tác kiểm tra đã phát hiện nhiều vi phạm của các nhà thầu tham gia, trong công tác quản lý phát hiện rất nhiều đơn vị vi phạm về an toàn lao động, về môi trường xây dựng...
- Đối với công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng công trình: được thực hiện theo đúng các quy định của nhà nước về quản lý vốn đảm bảo thực hiện mục tiêu, hiệu quả của dự án sau đầu tư và phù hợp với cơ chế thị trường. Trong giai đoạn 2016 - 2020 công tác tổ chức thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành được 823 công trình với giá trị quyết toán với giá trị được phê duyệt là 11.529,8 tỷ đồng, số công trình quyết toán đúng hạn là 823 công trình với giá trị: 11.529,8 tỷ đồng.

Những năm tới, để tăng cường công tác quản lý dự án đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN tại tỉnh Đồng Tháp, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán và phân bổ dự toán cho công tác ĐT XDCB hàng năm,
- Nâng cao năng lực và trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý dự án đầu tư XDCB,

- Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư dự án,
- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra,
- Thực hiện tốt các quy định về công tác đấu thầu trong hoạt động XDCCB,
- Hoàn thiện công tác quyết toán vốn đầu tư,
- Giải quyết triệt để tình trạng nợ đọng trong ĐT XDCCB bằng vốn NSNN.

“Bài báo này là kết quả nghiên cứu chính được rút ra từ luận văn thạc sĩ của tác giả, đã được bảo vệ thành công tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.”

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quốc Hội (2002), Luật ngân sách nhà nước năm 2002
- [2] Quốc Hội (2013), Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013
- [3] Quốc Hội (2013), Luật đầu tư công 49/2014/QH13
- [4] Quốc Hội (2015), Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015
- [5] Quốc Hội (2003), Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003
- [6] Quốc Hội (2014), Luật Xây dựng, số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- [7] UBND tỉnh Đồng Tháp (2016-2020), Báo cáo tình hình đầu tư XDCCB các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.
- [8] Bộ Tài chính (2011), Thông tư số 86/2011/TT-BTC Quy định “*về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước*”;
- [9] Chính phủ (2015), Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ “*về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình*”;
- [10] Chính phủ (2015), Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ “*về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng*”;
- [11] Chính phủ (2015), Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ “*về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình*”;
- [12] Chính phủ (2015), Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ “*về hợp đồng trong hoạt động xây dựng*”;
- [13] Chính phủ (2013), Nghị định 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ “*về quản lý chất lượng công trình xây dựng*”.
- [14] Chính phủ (2014), Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ, “*Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu*”.
- [15] Bộ Tài chính (2011), Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.
- [16] Bộ Tài chính (2010), Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 Quy định việc quyết toán vốn đầu tư XDCCB thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm
- [17] Bộ Tài chính (2011), Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn NSNN
- [18] UBND tỉnh Đồng Tháp (2018), Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 08/06/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh v/v ban hành Quy định phân công, phân cấp và ủy quyền quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;
- [19] Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp 2019.
- [20] Kho Bạc Nhà nước Đồng Tháp, Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ hàng năm (2011-2015).
- [21] Kiểm toán Nhà nước, Thông báo kết quả về kiểm toán NSDP năm 2015 của tỉnh Đồng Tháp